



每天10分钟 · 口算很轻松

黄冈口算天天练

HUANGGANG
KOUSUAN
TIANTIANLIAN



天天练

升级版

1 年级 上
数学 QD

黄冈 口算

HUANGGANG
KOUSUAN
TIANTIANLIAN

天天练

升级版



1 年级 上
数学 QD

微信公众号

沈阳出版发行集团
 沈阳出版社

图书在版编目(CIP)数据

黄冈口算·天天练·1年级·上·2 / 赵峰主编。
—沈阳：沈阳出版社，2018.7(2020.6重印)

ISBN 978 - 7 - 5441 - 9426 - 6

I. ①黄… II. ①赵… III. ①速算—小学—习题集
IV. ①G624.565

中国版本图书馆 CIP 数据核字(2018)第 131271 号

出版发行：沈阳出版发行集团|沈阳出版社

(地址：沈阳市沈河区南翰林路 10 号 邮编：110011)

网 址：<http://www.sycbs.com>

印 刷：高青金立印业有限公司

幅面尺寸：170mm×245mm

印 张：8.5

字 数：88 千字

出版时间：2018 年 7 月第 1 版

印刷时间：2020 年 6 月第 2 次印刷

责任编辑：马 驰 鲁 微 王 颖

封面设计：中辰传媒设计室

版式设计：中辰传媒设计室

责任校对：王玉位

责任监印：杨 旭

书 号：ISBN 978 - 7 - 5441 - 9426 - 6

定 价：19.90 元

联系电话：024-24112447

E - mail：sy24112447@163.com

本书若有印装质量问题，影响阅读，请与出版社联系调换。

微信公众号
教辅资料站

目录

第一周

周一	数数	1
周二	1—5 的认识	2
周三	5 以内数的组成	3
周四	0 的认识	4
周五	6—10 的认识	5
周末	综合练习	6

第二周

周一	10 以内数的大小比较(1)	8
周二	10 以内数的大小比较(2)	9
周三	找找周围的数	10
周四	整理与复习(1)	11
周五	整理与复习(2)	12
周末	综合练习	13

第三周

周一	分类(1)	15
周二	分类(2)	16
周三	比较(1)	17
周四	比较(2)	18
周五	5 以内的加法(1)	19
周末	综合练习	20

第四周

周一	5 以内的加法(2)	22
周二	5 以内的减法(1)	23
周三	5 以内的减法(2)	24
周四	5 以内的减法(3)	25
周五	有关 0 的减法	26
周末	综合练习	27

第五周

周一	和是 6、7 的加法(1)	29
周二	和是 6、7 的加法(2)	30
周三	有关 0 的加法	31
周四	被减数是 6、7 的减法(1)	32
周五	被减数是 6、7 的减法(2)	33
周末	综合练习	34

第六周

周一	8 的加减法	36
周二	9 的加减法	37
周三	10 的加减法	38
周四	10 以内的连加	39
周五	10 以内的连减	40
周末	综合练习	41

第七周

周一	10 以内的加减混合运算(1)	43
周二	10 以内的加减混合运算(2)	44
周三	10 以内的加减法整理(1)	45
周四	10 以内的加减法整理(2)	46
周五	10 以内的加减法整理(3)	47
周末	综合练习	48

第八周

周一	10 以内的加减法练习(1)	50
周二	10 以内的加减法练习(2)	51
周三	认识位置(1)	52
周四	认识位置(2)	53
周五	智慧广场	54
周末	综合练习	55

CONTENTS

第九周

周一	期中复习(1)	57
周二	期中复习(2)	58
周三	期中复习(3)	59
周四	期中复习(4)	60
周五	期中复习(5)	61
周末	综合练习	62

第十周

周一	11—20 各数的认识(1)	64
周二	11—20 各数的认识(2)	65
周三	十几加几的加法(不进位)(1)	66
周四	十几加几的加法(不进位)(2)	67
周五	十几减几的减法(不退位)	68
周末	综合练习	69

第十一周

周一	智慧广场	71
周二	认识图形(1)	72
周三	认识图形(2)	73
周四	认识图形(3)	74
周五	分积木	75
周末	综合练习	76

第十二周

周一	9 加几(1)	78
周二	9 加几(2)	79
周三	8 加几(1)	80
周四	8 加几(2)	81
周五	8、9 加几练习	82
周末	综合练习	83

第十三周

周一	6、7 加几(1)	85
周二	6、7 加几(2)	86

周三	6、7 加几(3)	87
周四	回顾整理(1)	88
周五	回顾整理(2)	89
周末	综合练习	90

第十四周

周一	总复习(1)	92
周二	总复习(2)	93
周三	总复习(3)	94
周四	总复习(4)	95
周五	总复习(5)	96
周末	综合练习	97

第十五周

周一	复习 10 以内数的认识(1)	99
周二	复习 10 以内数的认识(2)	100
周三	复习 10 以内的加减法(1)	101
周四	复习 10 以内的加减法(2)	102
周五	复习 10 以内的加减法(3)	103
周末	综合练习	104

第十六周

周一	复习 11—20 各数的认识(1)	106
周二	复习 11—20 各数的认识(2)	107
周三	复习 20 以内的进位加法(1)	108
周四	复习 20 以内的进位加法(2)	109
周五	复习 20 以内的进位加法(3)	110
周末	综合练习	111

第十七周

周一	期末复习(1)	113
周二	期末复习(2)	114
周三	期末复习(3)	115
周四	期末复习(4)	116
周五	期末复习(5)	117
周末	综合练习	118
	期末检测(一)	120
	期末检测(二)	122
	参考答案	124

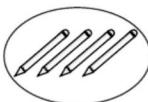
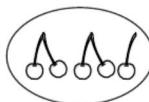
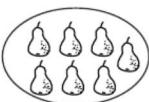
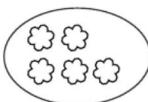
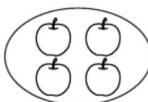
周一 数 数



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

bǎ gè shù yí yàng duō de wù tǐ yòng xiàn lián yì lián

一、把个数一样多的物体用线连一连。

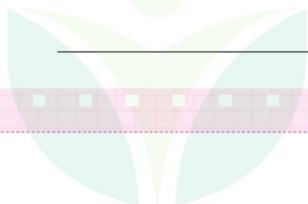
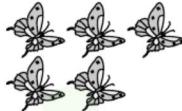
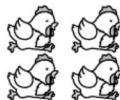
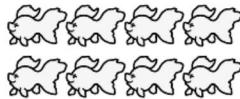
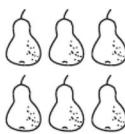


zhào yàng zi zài héng xiàn shàng huà huà de gè shù yǔ shàng miàn de

二、照样子在横线上画○，画的个数与上面的

wù tǐ gè shù xiāng tóng

物体个数相同。



订正栏

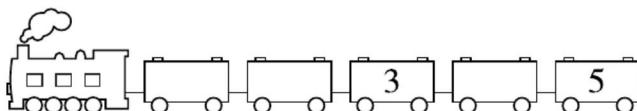
微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 1—5 的认识

xǐǎo huǒ chē kāi lái le kuài gěi tā biān shàng hào ba

一、小火车开来了，快给它编上号吧！



bǎ xià miàn gè shù àn shùn xù pái yi pái

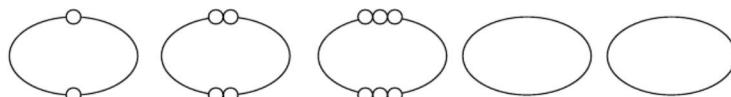
二、把下面各数按顺序排一排。

1	5	4	2	3
---	---	---	---	---

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

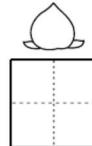
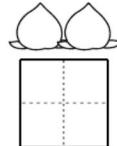
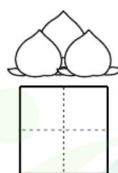
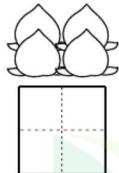
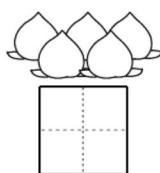
xiǎng yi xiǎng gāi zěn me huà

三、想一想：该怎么画？



xiān shǔ yi shù zài xiě shù

四、先数一数，再写数。



订正栏

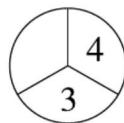
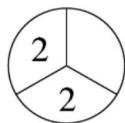
微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周三 5 以内数的组成

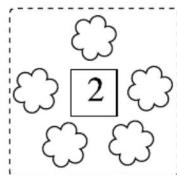
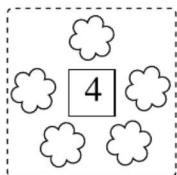
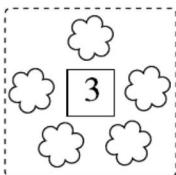
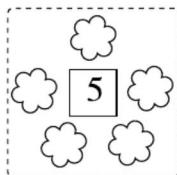
zhǎo guī lǜ tián yí tián

一、找规律，填一填。



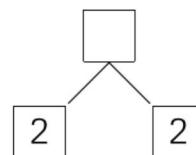
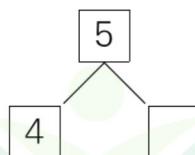
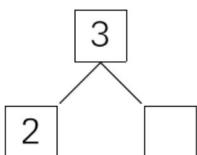
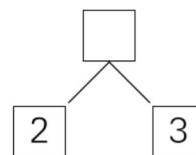
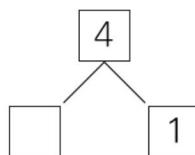
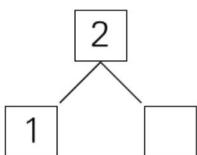
kàn shù tú sè

二、看数涂色。



zài lǐ tián shàng hé shì de shù

三、在□里填上合适的数。



订正栏

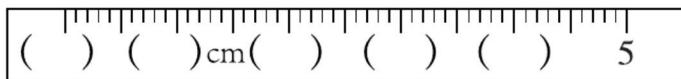
微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周四 0 的认识

xiě chū chǐ zì shàng de kè dù

一、写出尺子上的刻度。



kàn tú xiě shù

二、看图写数。



()



()



()



()

kàn shù tú sè

三、看数涂色。

4



2



0



5



订正栏

微信公众号

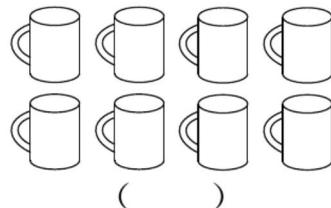
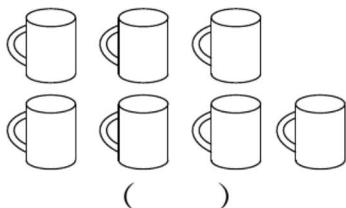
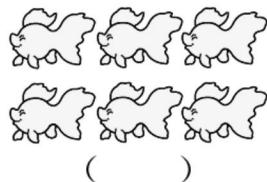
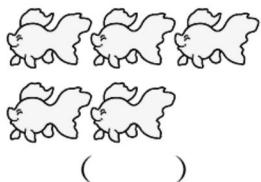
用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

4

周五 6—10 的认识

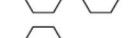
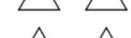
shǔ yì shù xiě yì xiě

一、数一数，写一写。

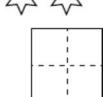
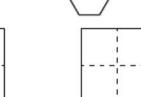


kàn tú xiě shù

二、看图写数。



7



订正栏

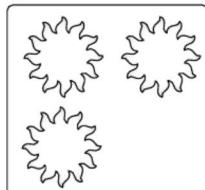
微信公众号

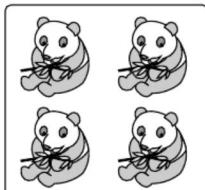
用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

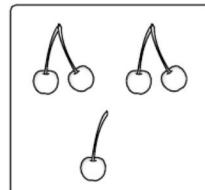
周末 综合练习

shǔ yi shù xiě yi xiě

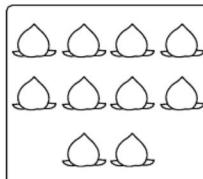
●一、数一数，写一写。

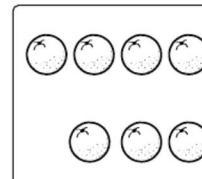


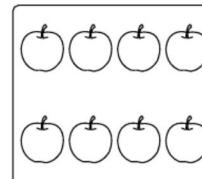












xiě mén pái hào

●二、写门牌号。



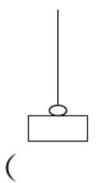
huà gè shù yǔ zuǒ biān de shù tóng yàng duō

●三、画○，个数与左边的数同样多。

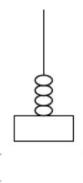
4	○○
6	○○○
8	○○○○○○
9	○○○○○○○○○○
10	○○○○○○○○○○○○

kàn suàn zhū xiě shù

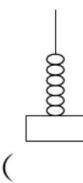
四、看算珠写数。



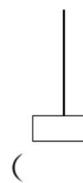
()



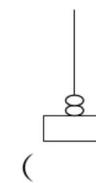
()



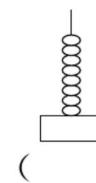
()



()



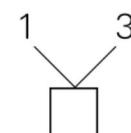
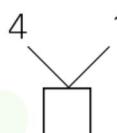
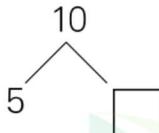
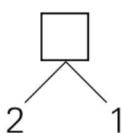
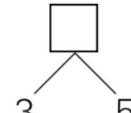
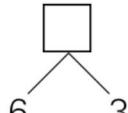
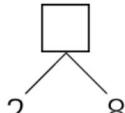
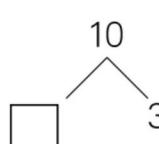
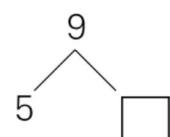
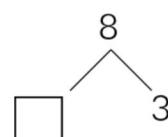
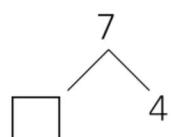
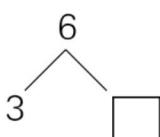
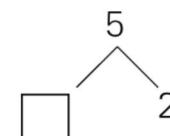
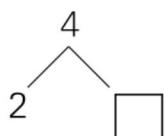
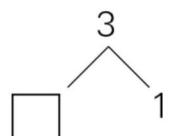
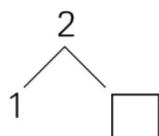
()



()

xiǎng yi xiǎng tián yi tián

五、想一想，填一填。



订正栏

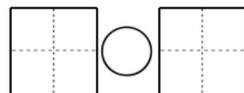
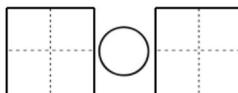
微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 10以内数的大小比较(1)

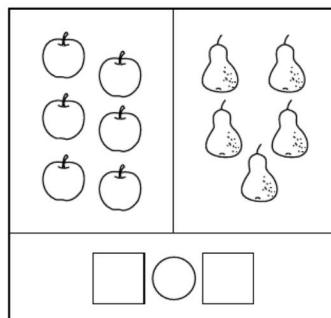
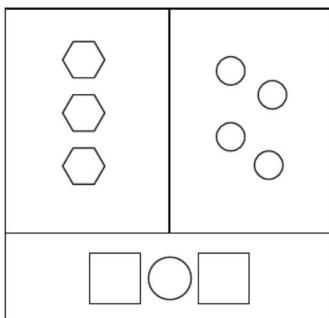
shǔ yì shù bǐ yì bǐ

一、数一数，比一比。



shǔ yì shù tián yì tián bǐ yì bǐ

二、数一数，填一填，比一比。



zài lǐ tián shàng huò

三、在○里填上“>”“<”或“=”。

$3 \bigcirc 5$

$8 \bigcirc 4$

$2 \bigcirc 6$

$7 \bigcirc 7$

$9 \bigcirc 10$

$8 \bigcirc 7$

$3 \bigcirc 3$

$9 \bigcirc 1$

$5 \bigcirc 3$

$4 \bigcirc 6$

订正栏

微信公众号

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周二 10以内数的大小比较(2)

一、在○里填上“>”“<”或“=”。

$3 \bigcirc 8$

$10 \bigcirc 9$

$5 \bigcirc 5$

$7 \bigcirc 6$

$6 \bigcirc 8$

$7 \bigcirc 9$

$4 \bigcirc 5$

$1 \bigcirc 0$

$8 \bigcirc 10$

$6 \bigcirc 4$

$9 \bigcirc 6$

$4 \bigcirc 4$

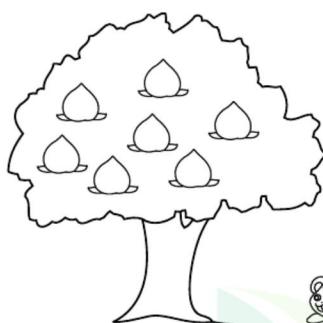
$1 \bigcirc 10$

$2 \bigcirc 3$

$5 \bigcirc 8$

二、一只小猴摘一个桃，树上的桃子够不够？先

比较大 小，再在正 确 答 案 下 面 画“√”。



○

够 不够



订正栏

微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

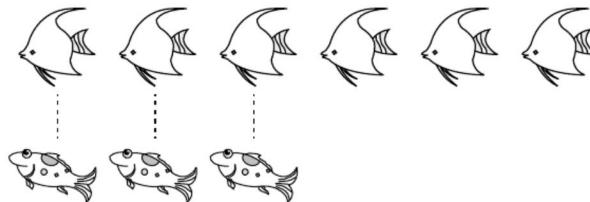
周三 找找周围的数



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

bǐ yí bǐ tián yí tián

一、比一比，填一填。



比 (多,少) $6 \bigcirc 3$ 比 (多,少) $3 \bigcirc 6$

àn yāo qiú huà yí huà

二、按要求画一画。

1. 画○, 比◇少。



2. 画○, 比☆多。

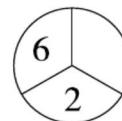
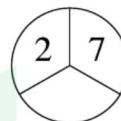
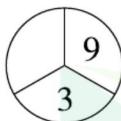


3. 画△, 与◇同样多。



zhào yàng zi tián yí tián

三、照样子填一填。



订正栏

微信公众号

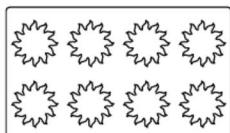
用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

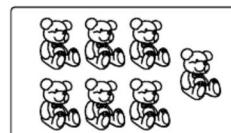
10

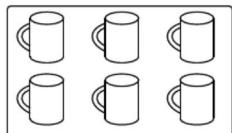
周四 整理与复习(1)

shǔ yì shù xiě yì xiě

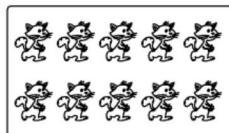
一、数一数，写一写。





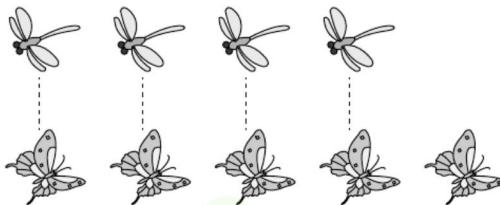






bǐ yì bǐ tián yí tián

二、比一比，填一填。



比 (多,少) 4○5 比 (多,少) 5○4

订正栏

微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周五 整理与复习(2)

bǐ yi bǐ zài lǐ tián shàng huò
一、比一比，在○里填上“>”“<”或“=”。

$9 \bigcirc 6$

$4 \bigcirc 8$

$10 \bigcirc 1$

$8 \bigcirc 6$

$0 \bigcirc 1$

$7 \bigcirc 8$

$1 \bigcirc 9$

$5 \bigcirc 10$

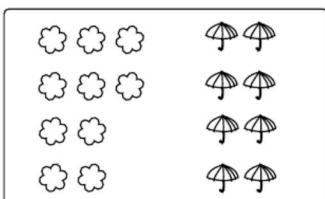
$2 \bigcirc 3$

$7 \bigcirc 7$

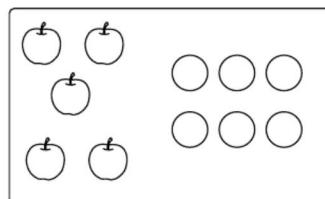
xiǎng yi xiǎng xiě yi xiě
二、想一想，写一写。

在 1、4、6、7、5、10、8、3 中，把大于 3，小于 10 的数写在下面。

xiě yi xiě bǐ yi bǐ
三、写一写，比一比。



$\square \bigcirc \square$



$\square \bigcirc \square$

订正栏

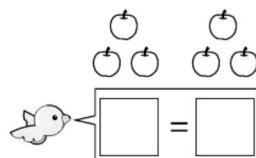
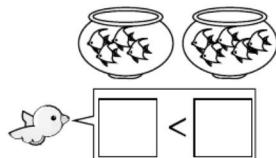
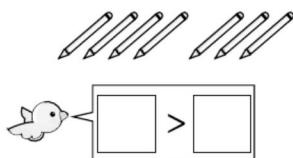
微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习

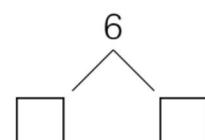
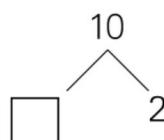
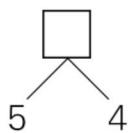
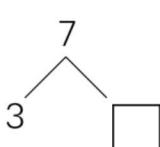
shǔ yì shù bǐ yì bǐ tián yí tián

一、数一数，比一比，填一填。



xiǎng yì xiǎng tián yí tián

二、想一想，填一填。



三、在○里填上“>”“<”或“=”。

5○8

4○9

3○3

6○9

10○5

6○6

5○2

6○0

8○10

3○4

6○7

2○1

7○5

4○7

10○9

8○7

4○6

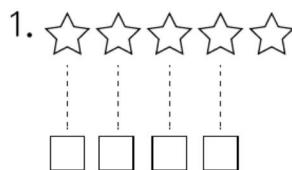
7○9

8○4

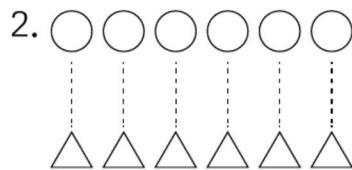
4○7

kàn tú tián shù

四、看图填数。



()比()多



()和()同样多



zhǎo guī lǜ

五、找规律。

1. 5, 4, (), (), ()

2. 1, 3, 5, (), ()

3. (), 7, 8, (), ()

4. 9, (), 7, (), (), ()

bǎ

àn cóng dà dào xiǎo de shùn xù xiě yi xiě

六、把 8、0、6、3、5、9 按从大到小的顺序写一写。

()>()>()>()>()>()

订正栏

微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

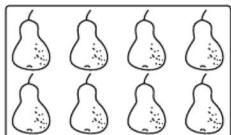


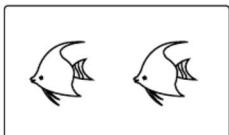
微信扫码
您立购获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

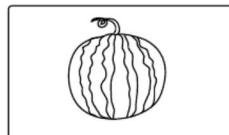
周一 分类(1)

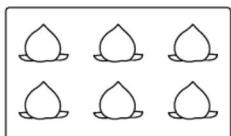
shǔ yì shù xiě yì xiě

一、数一数，写一写。

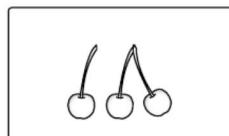






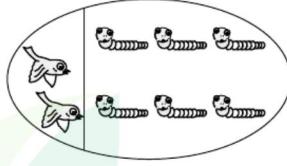
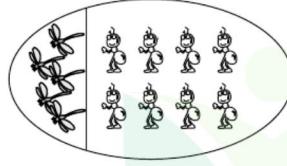
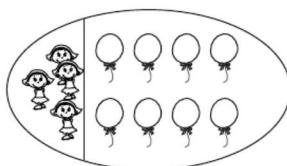
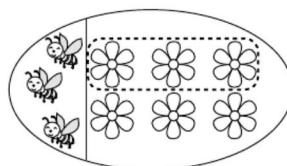






zhào yàng zi quān yì quān

二、照样子，圈一圈。



订正栏

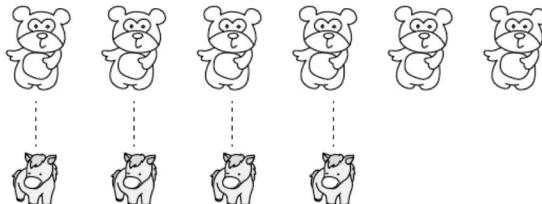
微信公众号

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 分类(2)

bǐ yí bǐ tián yí tián

一、比一比，填一填。

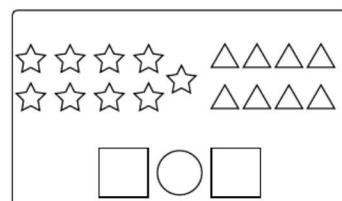
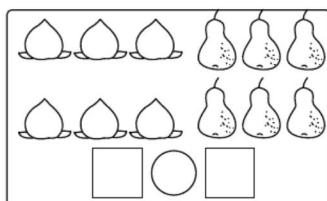


比 (多, 少) 6 ○ 4

比 (多, 少) 4 ○ 6

kàn tú tián yí tián

二、看图填一填。



bǐ yí bǐ zài lǐ tián shàng

三、比一比，在○里填上“>”“<”或“=”。

$7 \bigcirc 4$

$6 \bigcirc 0$

$10 \bigcirc 9$

$8 \bigcirc 3$

$8 \bigcirc 5$

$6 \bigcirc 9$

$4 \bigcirc 4$

$5 \bigcirc 6$

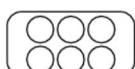
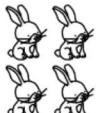
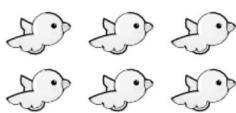
订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周三 比较(1)

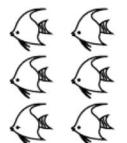
bǎ tóng yàng duō de lián qǐ lái

一、把同样多的连起来。



lián yi lián

二、连一连。



1

3

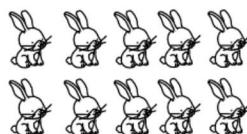
7

2

5

6

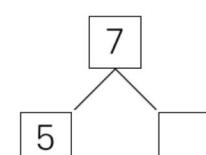
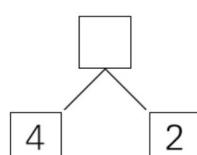
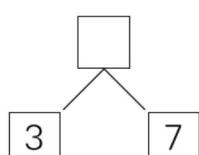
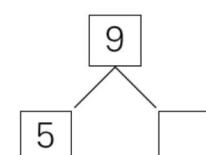
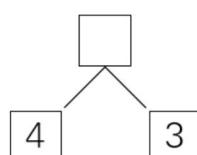
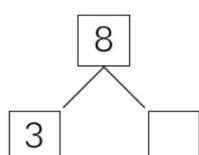
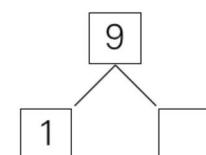
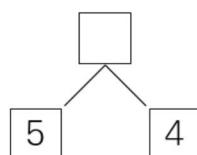
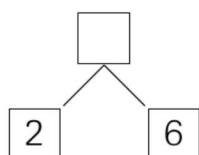
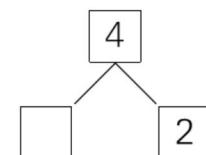
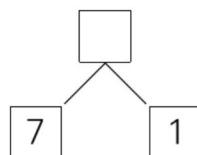
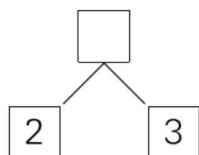
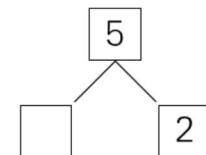
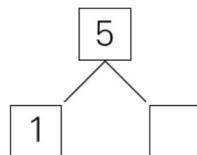
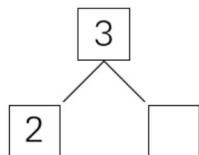
10



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周四 比 较(2)



订正栏

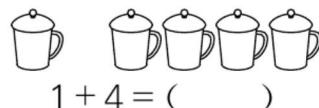
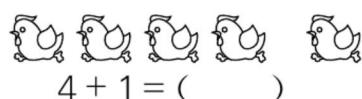
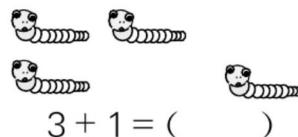
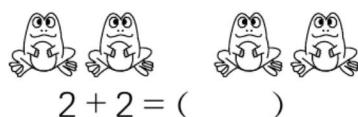
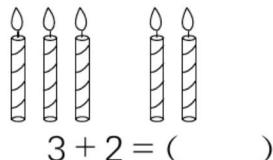
用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周五 5 以内的加法(1)

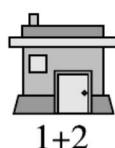
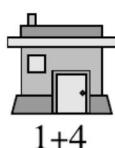
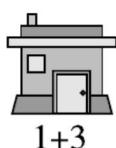
kàn tú tián shù

一、看图填数。



sòng xiǎo wū guī huí jiā

二、送小乌龟回家。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆



周末 综合练习

àn shùn xù tián shù

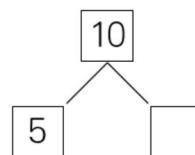
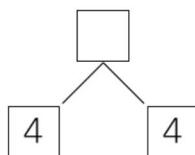
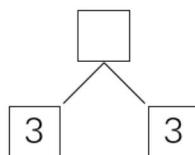
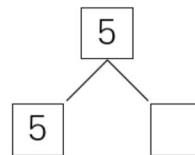
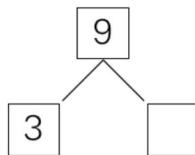
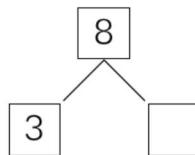
一、按顺序填数。

	1		3		5	
--	---	--	---	--	---	--

	8			6	
--	---	--	--	---	--

xiǎng yi xiǎng tián yi tián

二、想一想，填一填。



zài lǐ tián shàng

三、在○里填上“>”“<”或“=”。

$$5 \bigcirc 8 \quad 4 \bigcirc 9 \quad 3 \bigcirc 3 \quad 6 \bigcirc 9$$

$$10 \bigcirc 9 \quad 6 \bigcirc 6 \quad 5 \bigcirc 2 \quad 6 \bigcirc 0$$

$$8 \bigcirc 7 \quad 5 \bigcirc 6 \quad 7 \bigcirc 2 \quad 9 \bigcirc 8$$

zhǎo guī lǜ

四、找规律。

$$1. 5, 4, (\quad), (\quad), (\quad)$$

$$2. 1, 3, 5, (\quad), (\quad)$$

$$3. (\quad), 7, 8, (\quad), (\quad)$$

nǎ liǎng zhī wà zì shì yì shuāng bǎ shàng xià liǎng háng néng zǔ
五、哪两只袜子是一双？(把上下两行能组

chéng de liǎng gè shù lián qǐ lái
成5的两个数连起来)



wǒ huì tián

六、我会填。

$1+2=(\quad)$

$2+2=(\quad)$

$3+2=(\quad)$

$0+3=(\quad)$

$4+1=(\quad)$

$4+0=(\quad)$

suàn yi suàn lián yi lián

七、算一算，连一连。

$1+2$
$1+3$
$3+2$
$4+1$
$0+3$

2

3

4

5

$2+1$
$5+0$
$2+3$
$1+4$
$1+1$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 5 以内的加法(2)



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

jì suàn
一、计算。

$2 + 1 =$

$1 + 2 =$

$2 + 2 =$

$1 + 4 =$

$2 + 3 =$

$3 + 1 =$

$4 + 1 =$

$3 + 2 =$

$1 + 3 =$

$1 + 1 =$

$0 + 5 =$

$3 + 0 =$

kàn tú tián kòng
二、看图填空。

$$() + 1 = 3$$

$$1 + () = 4$$

$$4 + 1 = ()$$

$$2 + 3 = ()$$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周二 5 以内的减法(1)

一、计算。

$2 + 3 =$

$2 - 1 =$

$5 - 2 =$

$4 + 0 =$

$3 - 2 =$

$3 - 0 =$

$2 + 2 =$

$1 - 0 =$

$5 - 5 =$

$3 + 1 =$

$5 - 1 =$

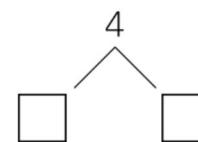
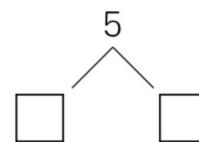
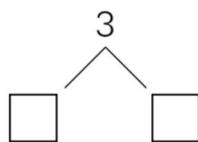
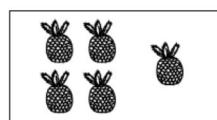
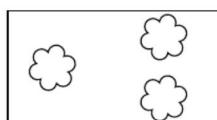
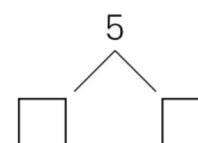
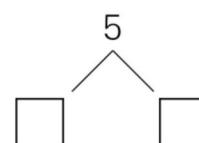
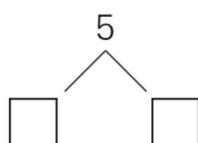
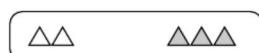
$5 - 4 =$

$1 + 4 =$

$4 - 3 =$

$4 - 1 =$

二、按照图中的分法填一填。



订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周三 5以内的减法(2)

huà yi huà suàn yi suàn

一、画一画，算一算。



$$5 - 1 = \boxed{}$$



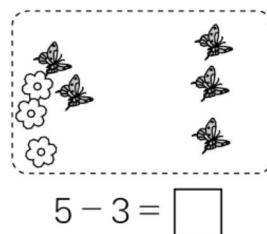
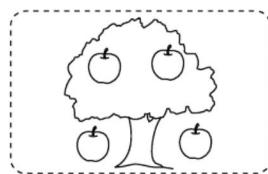
$$\boxed{} - 2 = 3$$



$$5 - \boxed{} = 2$$

kàn tú tián shù

二、看图填数。



sòng xiǎo wū guī huí jiā

三、送小乌龟回家。





$$1+3$$



$$4-2$$



$$1+2$$



$$1+0$$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周四 5 以内的减法(3)

一、计算。

$2 - 1 =$

$1 - 1 =$

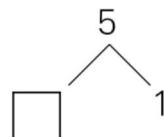
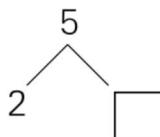
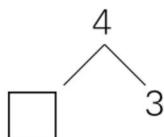
$2 - 0 =$

$5 - 1 =$

$3 - 0 =$

$2 - 2 =$

二、填一填。



三、送小动物回家。



$3 - 3 =$

$3 - 2 =$

$4 - 1 =$

$4 - 2 =$

$5 - 2 =$

$4 - 3 =$

$5 - 3 =$

$3 - 1 =$

$5 - 4 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆



周五 有关 0 的减法

zhí jiē xiě dé shù

一、直接写得数。

$5 - 5 =$

$4 - 4 =$

$2 - 0 =$

$3 - 0 =$

$4 - 2 =$

$5 - 0 =$

$0 - 0 =$

$1 - 1 =$

$3 - 0 =$

zài lǐ tián shàng huò

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$4 - 4 \bigcirc 1$

$2 - 2 \bigcirc 3$

$3 + 0 \bigcirc 0$

$3 - 3 \bigcirc 3$

$5 - 5 \bigcirc 5$

$2 + 1 \bigcirc 3 - 0$

$2 - 2 \bigcirc 0$

$4 + 0 \bigcirc 5$

$1 + 1 \bigcirc 0$

zài lǐ tián shàng huò

三、在○里填上“+”或“-”。

$2 \bigcirc 2 = 4$

$5 \bigcirc 1 = 4$

$4 \bigcirc 2 = 2$

$3 \bigcirc 3 = 0$

$4 \bigcirc 1 = 3$

$1 \bigcirc 1 = 0$

$5 \bigcirc 5 = 0$

$4 \bigcirc 0 = 4$

$0 \bigcirc 2 = 2$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周末 综合练习

一、计算。

$1 + 4 =$

$4 - 2 =$

$5 - 1 =$

$5 - 2 =$

$4 - 3 =$

$4 - 4 =$

$2 + 1 =$

$3 - 2 =$

$4 + 1 =$

$5 - 2 =$

$1 + 3 =$

$2 - 2 =$

$5 - 3 =$

$2 + 2 =$

$4 - 1 =$

$3 - 3 =$

$2 + 3 =$

$5 - 5 =$

$1 - 1 =$

$3 + 1 =$

$3 - 1 =$

二、比较大小。



$5 - 1 \bigcirc 3$

$4 - 1 \bigcirc 4$

$3 - 0 \bigcirc 3$

$3 \bigcirc 3$

$3 - 1 \bigcirc 4$

$2 + 2 \bigcirc 3$

$5 - 1 \bigcirc 2$

$4 - 2 \bigcirc 2$

$3 + 2 \bigcirc 3$

zài lǐ tián shàng hé shì de shù

✿三、在 里填上合适的数。

$$\square - 3 = 2$$

$$2 + \square = 5$$

$$4 - 1 = \square$$

$$3 - 3 = \square$$

$$\square + 3 = 4$$

$$\square - 5 = 0$$

✿四、 中有数。

$$\heartsuit + 1 = 5$$

$$\heartsuit + 2 = 2$$

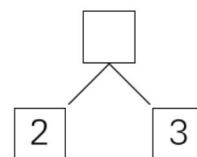
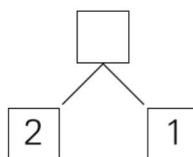
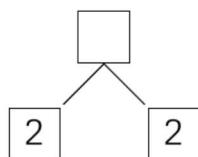
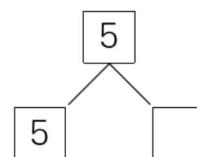
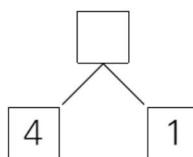
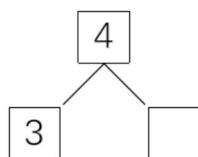
$$\heartsuit - 3 = 1$$

$$\heartsuit + 0 = 4$$

$$\heartsuit + 2 = 5$$

$$\heartsuit - 4 = 0$$

✿五、想一想，填一填。



订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周一 和是 6、7 的加法(1)

一、计算。

$2 + 5 =$

$3 + 4 =$

$1 + 5 =$

$6 + 1 =$

$4 + 2 =$

$3 + 2 =$

$3 + 3 =$

$2 + 4 =$

$4 + 3 =$

$\square + 3 = 6$

$\square + 2 = 6$

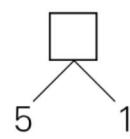
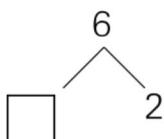
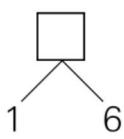
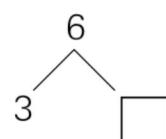
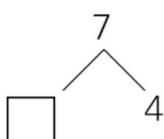
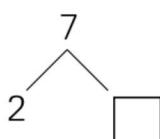
$\square + 4 = 6$

$2 + \square = 7$

$3 + \square = 7$

$4 + \square = 7$

二、填一填。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 和是 6、7 的加法(2)

一、计算。

$5 + 1 =$

$2 + 5 =$

$5 + (\quad) = 6$

$3 + 4 =$

$1 + 6 =$

$(\quad) + 2 = 7$

$4 + 2 =$

$4 + 3 =$

$3 + (\quad) = 6$

$3 + 3 =$

$5 + 2 =$

$(\quad) + 2 = 6$

$1 + 5 =$

$2 + 4 =$

$4 + (\quad) = 7$

$3 + 2 =$

$6 + 1 =$

$(\quad) + 3 = 7$

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$3 + 4 \bigcirc 6$

$2 + 2 \bigcirc 4$

$3 - 3 \bigcirc 3$

$2 + 5 \bigcirc 8$

$6 + 1 \bigcirc 7$

$4 - 0 \bigcirc 4$

$5 - 1 \bigcirc 3 + 3$

$1 + 5 \bigcirc 4 + 2$

$3 + 3 \bigcirc 4 + 3$

$3 + 2 \bigcirc 5 + 1$

$4 + 2 \bigcirc 4 + 1$

$2 + 4 \bigcirc 3 + 3$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周三 有关 0 的加法



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

kǒu suàn

一、口算。

$0 + 5 =$

$6 + 0 =$

$7 + 0 =$

$4 + 0 =$

$0 + 6 =$

$6 - 6 =$

$2 + 4 =$

$6 - 2 =$

$5 + 1 =$

$5 - 2 =$

$6 - 0 =$

$6 - 5 =$

$4 + 1 =$

$1 + 3 =$

$2 + 2 =$

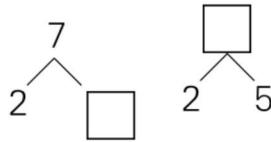
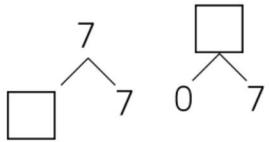
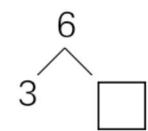
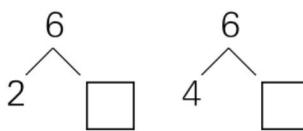
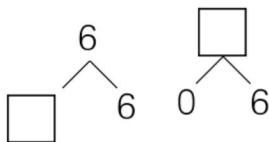
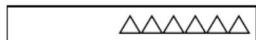
$5 - 1 =$

$2 + 1 =$

$0 + 4 =$

àn zhào tú zhōng de fēn fǎ tián yi tián

二、按照图中的分法填一填。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周四 被减数是 6、7 的减法(1)

一、计算。

$7 - 4 =$

$6 - 2 =$

$() - 1 = 6$

$7 - 5 =$

$6 - 4 =$

$() - 2 = 4$

$0 + 7 =$

$6 - 3 =$

$7 - () = 7$

$6 - 6 =$

$6 - 5 =$

$6 - () = 5$

$7 - 7 =$

$7 - 2 =$

$3 + () = 7$

二、把得数相等的算式连起来。

$3 + 4$

$2 + 4$

$7 - 3$

$6 - 2$

$7 - 2$

$1 + 6$

$3 + 3$

$3 + 2$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周五 被减数是 6、7 的减法(2)

$6 - 5 =$

$6 - 4 =$

$1 + 6 =$

$7 - 5 =$

$6 - 6 =$

$7 - 0 =$

$2 + 5 =$

$5 - 2 =$

$5 + 2 =$

$4 + 3 =$

$7 - 3 =$

$7 - 6 =$

$6 - 1 =$

$7 - 1 =$

$6 - 2 =$

$6 - 0 =$

$6 + 0 =$

$1 + 5 =$

$3 + 4 =$

$7 - 4 =$

$7 + 0 =$

$4 + 2 =$

$6 - 3 =$

$5 + 0 =$

$3 + 2 =$

$4 + 1 =$

$6 - 2 =$

$4 + () = 6$

$() + 3 = 7$

$7 - () = 2$

$() + 5 = 7$

$() - 0 = 6$

$() + 2 = 7$

$7 - 3 = ()$

$6 - () = 4$

$() + 3 = 3$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习

一、计算。

$4 + 3 =$	$7 - 6 =$	$6 - 4 =$
$2 + 5 =$	$6 + 1 =$	$5 + 2 =$
$6 - 2 =$	$7 - 5 =$	$7 - 1 =$
$6 - 3 =$	$6 + 0 =$	$7 - 0 =$
$7 - 3 =$	$1 + 5 =$	$5 + 1 =$
$6 + (\quad) = 7$	$6 + (\quad) = 6$	$(\quad) + 4 = 6$
$7 - (\quad) = 7$	$4 + (\quad) = 7$	$(\quad) + 5 = 7$
$3 + (\quad) = 5$	$(\quad) + 5 = 6$	$(\quad) - 3 = 4$
$6 - (\quad) = 2$	$2 + (\quad) = 3$	$6 - (\quad) = 3$
$(\quad) + 4 = 6$	$(\quad) + 5 = 6$	$7 - (\quad) = 6$
$3 + (\quad) = 7$	$(\quad) + 3 = 5$	$7 - (\quad) = 7$

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$7 - 0 \bigcirc 7$	$3 + 2 \bigcirc 4$	$6 - 1 \bigcirc 7$
$7 - 3 \bigcirc 6$	$6 - 4 \bigcirc 2$	$6 - 3 \bigcirc 4$

$7 - 4 \bigcirc 3$

$6 - 0 \bigcirc 5$

$3 + 3 \bigcirc 7$

$5 - 1 \bigcirc 2$

$2 + 3 \bigcirc 6$

$2 + 4 \bigcirc 5$

$3 + 4 \bigcirc 8$

$0 + 6 \bigcirc 0$

$7 - 3 \bigcirc 7$

$7 - 3 \bigcirc 5$

$4 - 2 \bigcirc 6$

$6 - 2 \bigcirc 7$

$3 + 4 \bigcirc 6$

$0 + 4 \bigcirc 4$

$3 - 3 \bigcirc 3$

$2 + 5 \bigcirc 8$

$6 + 1 \bigcirc 7$

$4 - 0 \bigcirc 0$

sòng xìn

lián yí lián

三、送信。(连一连)

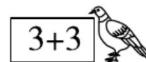
 $7 - 1$

7

 $7 - 4$

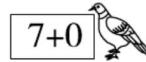
 $1 + 6$

5

 $3 + 3$

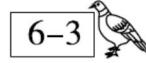
 $7 - 2$

6

 $7 + 0$

 $2 + 4$

3

 $6 - 3$

 $6 - 1$

$2 + 5$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 8 的加减法

jì suàn
一、计算。

$8 - 2 =$

$7 + 1 =$

$5 + 3 =$

$8 - 4 =$

$2 + 6 =$

$8 - 8 =$

$8 - 1 =$

$4 + 4 =$

$3 + 5 =$

$1 + 7 =$

$8 - 3 =$

$8 - 6 =$

$6 + \square = 8$

$\square + 5 = 8$

$\square - 4 = 4$

$8 - \square = 3$

$2 + \square = 8$

$8 - \square = 4$

$\square - 7 = 1$

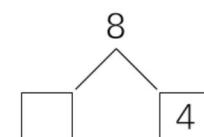
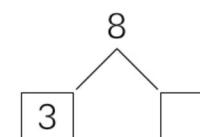
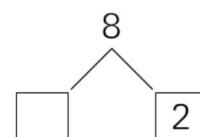
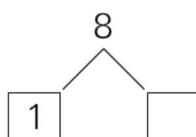
$\square - 0 = 8$

$3 + \square = 8$

$\square - 2 = 6$

$7 + \square = 8$

$\square - 5 = 3$

tián yí tián
二、填一填。

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周二 9 的加减法

jì suàn

一、计算。

$4 + 5 =$

$2 + 7 =$

$9 - 6 =$

$9 - 4 =$

$7 + 2 =$

$6 + 3 =$

$9 - 7 =$

$0 + 9 =$

$9 - 8 =$

$5 + 4 =$

$3 + 6 =$

$8 + 1 =$

$6 + \square = 9$

$5 + \square = 9$

$9 - \square = 3$

$\square + 8 = 9$

$9 - \square = 4$

$\square + 4 = 9$

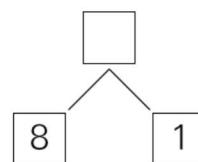
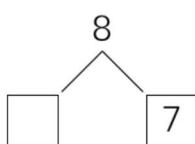
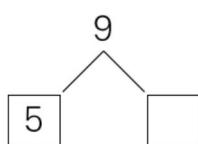
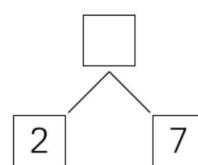
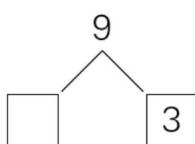
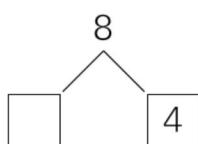
$\square - 7 = 2$

$7 + \square = 9$

$\square + 3 = 9$

tián yi tián

二、填一填。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周三 10 的加减法

jì suàn

一、计算。

$5 + 5 =$

$8 + 2 =$

$10 - 4 =$

$9 - 6 =$

$7 + 3 =$

$6 + 4 =$

$1 + 9 =$

$10 - 8 =$

$3 + 7 =$

$4 + 6 =$

$10 - 1 =$

$10 - 7 =$

$7 + \square = 10$

$\square - 6 = 4$

$10 - \square = 8$

$\square + 9 = 10$

$8 + \square = 9$

$10 - \square = 9$

suàn yi suàn

二、算一算。

$$\begin{array}{c} 1 \\ \hline 3 \\ \hline 5 \\ \hline 7 \\ \hline 9 \end{array}$$

=

$$\begin{array}{c} \square \\ \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \square \end{array}$$

$$\begin{array}{c} 0 \\ \hline 2 \\ \hline 4 \\ \hline 6 \\ \hline 8 \end{array}$$

=

$$\begin{array}{c} \square \\ \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \square \\ \hline \square \end{array}$$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周四 10 以内的连加

$1 + 4 + 3 =$

$4 + 3 + 2 =$

$6 + 3 + 0 =$

$5 + 3 + 0 =$

$4 + 4 + 2 =$

$1 + 3 + 4 =$

$9 + 0 + 0 =$

$3 + 2 + 3 =$

$4 + 3 + 3 =$

$3 + 4 + 1 =$

$7 + 2 + 1 =$

$2 + 2 + 5 =$

$5 + 4 + 1 =$

$8 + 1 + 0 =$

$7 + 1 + 2 =$

$1 + 3 + 5 =$

$9 + 1 + 0 =$

$2 + 2 + 6 =$

$6 + 0 + 3 =$

$2 + 2 + 4 =$

$4 + 4 + 1 =$

$1 + 2 + 3 =$

$2 + 6 + 2 =$

$4 + 5 + 0 =$

$5 + 4 + 0 =$

$4 + 1 + 2 =$

$2 + 1 + 6 =$

$3 + 1 + 3 =$

$2 + 1 + 7 =$

$3 + 7 + 0 =$

$7 + \boxed{\quad} = 10$

$\boxed{\quad} - 6 = 4$

$10 - \boxed{\quad} = 8$

$\boxed{\quad} + 9 = 10$

$8 + \boxed{\quad} = 9$

$10 - \boxed{\quad} = 9$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周五 10以内的连减

一、计算。

$7 - 5 - 2 =$

$10 - 3 - 4 =$

$9 - 2 - 2 =$

$8 - 4 - 2 =$

$8 - 2 - 3 =$

$10 - 1 - 2 =$

$5 - 1 - 2 =$

$8 - 7 - 1 =$

$9 - 5 - 3 =$

$10 - 4 - 4 =$

$8 - 1 - 3 =$

$7 - 1 - 5 =$

$9 - 1 - 4 =$

$6 - 1 - 5 =$

$8 - 2 - 6 =$

$10 - 2 - 4 =$

$10 - 3 - 5 =$

$9 - 2 - 3 =$

二、在方框里填上合适的数。

$10 - 3 - 3 = \boxed{\quad}$

□ □

$7 - 0 - 4 = \boxed{\quad}$

□ □

$2 + 3 + 1 = \boxed{\quad}$

□ □

$3 + 3 + 3 = \boxed{\quad}$

□ □

$9 - 2 - 4 = \boxed{\quad}$

□ □

$10 - 3 - 6 = \boxed{\quad}$

□ □

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周末 综合练习

一、计算。

$9 - 6 =$

$3 + 7 =$

$2 + 5 =$

$8 + 2 =$

$7 - 6 =$

$3 + 6 =$

$5 + 4 =$

$9 - 2 =$

$8 - 4 =$

$4 + 6 =$

$8 + 1 =$

$9 + 1 =$

$5 + 5 =$

$6 + 3 =$

$8 + 0 =$

$9 + 0 =$

$2 + 7 =$

$3 + 5 =$

$7 + 3 =$

$4 + 4 =$

$2 + 6 =$

$2 + 3 + 4 =$

$4 + 3 + 1 =$

$3 + 5 + 0 =$

$0 + 4 + 6 =$

$1 + 3 + 5 =$

$7 - 3 - 1 =$

$9 - 3 - 2 =$

$9 - 6 - 2 =$

$8 - 5 - 1 =$

$6 - 1 - 0 =$

$3 + 4 + 3 =$

$2 + 0 + 7 =$

$2 + 5 + 2 =$

$1 + 4 + 5 =$

$4 + 2 + 3 =$

$7 - 1 - 4 =$

$10 - 7 - 3 =$

$8 - 0 - 5 =$

$7 - 2 - 3 =$

$8 - 0 - 7 =$

$10 - 6 - 4 =$

tián yí tián

二、填一填。

$9 - (\quad) = 0$

$4 + (\quad) = 6$

$7 + (\quad) = 10$

$(\quad) - 8 = 2$

$4 + (\quad) = 8$

$10 - (\quad) = 6$

$(\quad) + 7 = 10$

$3 + (\quad) = 8$

$(\quad) + 3 = 8$

$5 + (\quad) = 7$

$8 + (\quad) = 10$

$4 + (\quad) = 9$

$(\quad) + 3 = 7$

$2 + (\quad) = 9$

$5 + (\quad) = 10$

bǐ yi bǐ

三、比一比。

$8 + 2 \bigcirc 4 + 6$

$5 - 5 \bigcirc 5 + 5$

$9 - 6 \bigcirc 7 + 2$

$7 - 5 \bigcirc 2 + 2$

$8 + 1 \bigcirc 8 - 1$

$3 + 2 \bigcirc 10 - 9$

$7 + 3 \bigcirc 10$

$7 - 5 \bigcirc 5$

$6 + 3 \bigcirc 8$

$7 - 3 \bigcirc 3$

$8 - 4 \bigcirc 4$

$9 - 5 \bigcirc 5$

$5 + 4 \bigcirc 10$

$9 - 3 \bigcirc 6$

$10 - 4 \bigcirc 6$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周一 10 以内的加减混合运算(1)

$9 - 4 + 1 =$

$7 - 2 + 1 =$

$8 + 2 - 4 =$

$5 + 4 - 1 =$

$8 + 1 - 0 =$

$7 - 1 + 2 =$

$9 - 3 - 5 =$

$7 + 1 - 0 =$

$10 - 2 - 4 =$

$10 - 4 + 2 =$

$8 - 5 + 3 =$

$7 - 3 + 5 =$

$1 + 7 - 5 =$

$9 - 5 + 2 =$

$2 + 6 - 4 =$

$4 + 4 + 2 =$

$9 - 3 + 3 =$

$1 + 5 - 4 =$

$8 - 2 + 2 =$

$10 - 5 + 4 =$

$3 + 2 - 5 =$

$8 - 3 + 5 =$

$2 + 7 - 0 =$

$7 + 3 - 4 =$

$1 + 4 + 3 =$

$4 + 3 + 2 =$

$6 - 3 + 5 =$

$8 - 4 + 6 =$

$7 + 3 - 5 =$

$5 + 3 + 0 =$

$9 - 2 - 2 =$

$6 - 1 + 5 =$

$8 + 2 - 8 =$

$7 - 5 - 2 =$

$10 - 3 - 4 =$

$9 - 0 + 0 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 10 以内的加减混合运算(2)

一、计算。

$9 + 1 - 6 =$

$7 - 5 + 3 =$

$10 - 8 + 6 =$

$6 - 3 + 7 =$

$3 + 6 - 4 =$

$8 - 4 + 3 =$

$9 - 5 + 2 =$

$9 - 6 - 3 =$

$3 + 4 + 2 =$

$5 + 4 - 7 =$

$3 + 5 - 6 =$

$7 - 3 + 4 =$

$5 + 5 - 6 =$

$5 - 4 + 3 =$

$5 + 1 - 5 =$

$6 + 4 - 5 =$

$7 - 3 + 6 =$

$7 - 4 + 5 =$

二、连一连。

$3+2+4$

3

$5+3-1$

10

$4-1+5$

9

$3-2+9$

5

$3+3-3$

8

$8-1-2$

7

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周三 10 以内的加减法整理(1)

$4 + 5 =$

$9 - 3 =$

$2 + 8 =$

$8 - 5 =$

$7 + 2 =$

$10 - 3 =$

$3 + 7 =$

$7 + 1 =$

$6 - 2 =$

$5 + 5 =$

$7 - 4 =$

$6 + 3 =$

$2 + 3 =$

$6 + 0 =$

$5 + 2 =$

$7 - 0 =$

$3 + 5 =$

$9 - 7 =$

$3 + 4 - 1 =$

$9 - 2 - 3 =$

$10 - 4 - 0 =$

$7 - 2 + 1 =$

$4 + 5 + 0 =$

$9 - 4 - 3 =$

$2 + 2 - 4 =$

$10 - 5 - 3 =$

$2 + 6 + 0 =$

$10 - 4 + 2 =$

$5 + 3 + 2 =$

$7 + 0 + 3 =$

$8 - 5 + 3 =$

$2 + 4 + 3 =$

$9 - 6 - 3 =$

$7 - 3 + 5 =$

$8 - 2 - 4 =$

$1 + 0 + 5 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周四 10 以内的加减法整理(2)

$4 + 5 - 3 =$

$8 + 1 - 2 =$

$0 + 8 - 4 =$

$8 - 3 + 2 =$

$4 - 2 + 6 =$

$4 + 4 + 0 =$

$2 + 4 - 3 =$

$9 + 0 - 5 =$

$8 - 2 - 2 =$

$9 - 2 + 3 =$

$3 + 1 + 4 =$

$5 + 4 - 0 =$

$3 + 6 - 0 =$

$7 - 2 - 3 =$

$3 + 5 + 0 =$

$2 + 3 - 1 =$

$5 + 4 - 6 =$

$8 - 1 - 6 =$

$8 - 3 + 4 =$

$4 + 5 + 0 =$

$4 + 3 - 2 =$

$0 + 5 - 4 =$

$8 - 4 - 2 =$

$10 - 5 + 4 =$

$7 - 2 + 3 =$

$3 + 5 - 0 =$

$8 + 0 - 2 =$

$0 + 8 - 3 =$

$1 + 5 + 4 =$

$6 - 3 + 5 =$

$4 + 3 - 2 =$

$8 - 5 - 3 =$

$6 + 4 - 3 =$

$10 - 5 + 4 =$

$5 + 0 - 2 =$

$5 + 3 - 1 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周五 10 以内的加减法整理(3)

jì suàn 一、计算。

$9 - 7 =$

$4 - 3 =$

$10 - 8 =$

$6 - 5 =$

$8 - 2 =$

$3 - 3 =$

$9 - 6 =$

$5 - 3 =$

$7 - 6 =$

$4 - 4 =$

$7 - 3 =$

$8 - 4 =$

$6 - 6 =$

$7 - 2 =$

$5 + 4 =$

$8 + 2 =$

$4 + 3 =$

$9 - 6 =$

$5 - 5 =$

$3 + 7 =$

$10 - 1 =$

$6 + 3 =$

$9 - 4 =$

$2 + 5 =$

tián yi tián 二、填一填。

$2+5-6=\square$
 ↓
 \square

$7-3+2=\square$
 ↓
 \square

$8+1-3=\square$
 ↓
 \square

$6-1-2=\square$
 ↓
 \square

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习



微信扫码
您扫描获得的权益主要有：
△本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
△配套线上网课△学习工具

jì suàn
一、计算。

$7 - 3 =$	$9 - 2 =$	$10 - 4 =$
$10 - 6 =$	$9 - 7 =$	$7 - 4 =$
$5 - 2 =$	$4 + 1 =$	$3 - 3 =$
$2 + 0 =$	$3 + 2 =$	$5 - 5 =$
$2 + 2 =$	$4 - 3 =$	$5 - 0 =$
$1 + 1 =$	$5 - 3 =$	$4 - 2 =$
$4 + 4 + 2 =$	$1 + 3 + 4 =$	$8 - 2 - 3 =$
$6 + 0 + 3 =$	$2 + 2 + 4 =$	$10 - 1 - 2 =$
$4 + 4 + 1 =$	$1 + 2 + 3 =$	$5 - 1 - 2 =$
$2 + 6 + 2 =$	$8 - 2 + 3 =$	$8 - 7 - 1 =$
$2 + 3 + 4 =$	$10 - 3 - 2 =$	$10 - 6 + 5 =$
$9 - 7 + 5 =$	$9 - 2 - 7 =$	$3 + 3 - 0 =$
$3 + 1 + 4 =$	$7 - 2 - 3 =$	$5 + 4 - 6 =$
$4 + 5 + 0 =$	$8 - 4 - 2 =$	$3 + 5 - 0 =$

$1 + 5 + 4 =$

$10 - 3 - 2 =$

$0 + 8 - 4 =$

$8 - 0 + 2 =$

$0 + 5 + 4 =$

$10 - 4 - 3 =$

$4 + 4 + 0 =$

$8 - 1 - 6 =$

$8 - 6 + 3 =$

$8 - 2 - 2 =$

$5 + 4 - 0 =$

$3 + 5 + 0 =$

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$2 + 6 \bigcirc 9$

$8 \bigcirc 6 + 3$

$9 \bigcirc 2 + 7$

$7 - 3 \bigcirc 3$

$6 \bigcirc 10 - 5$

$7 - 0 \bigcirc 6$

$3 + 6 \bigcirc 10$

$8 + 1 \bigcirc 9$

$4 + 2 \bigcirc 7$

$8 - 3 \bigcirc 4$

$4 + 1 \bigcirc 5$

$6 - 3 \bigcirc 2$

$9 - 7 \bigcirc 3$

$8 - 4 \bigcirc 5$

$8 - 5 \bigcirc 2$

$7 \bigcirc 2 + 7$

$9 \bigcirc 1 + 8$

$4 + 4 \bigcirc 9$

$2 \bigcirc 7 - 5$

$2 + 3 \bigcirc 3 + 2$

$8 + 1 \bigcirc 7 + 1$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 10以内的加减法练习(1)

$(\quad) - 1 = 5$

$(\quad) + 6 = 7$

$1 + (\quad) = 10$

$(\quad) + 10 = 10$

$(\quad) + 8 = 9$

$10 - 7 = (\quad)$

$4 - 0 + 4 = (\quad)$

$9 - 2 + 1 = (\quad)$

$8 + 1 + 0 = (\quad)$

$1 + 5 = (\quad)$

$4 - 4 + 2 = (\quad)$

$10 - 3 - 3 = (\quad)$

$(\quad) + 6 = 6$

$3 + 5 = (\quad)$

$7 - (\quad) = 1$

$7 - (\quad) = 7$

$3 + (\quad) = 8$

$6 - 4 - 1 = (\quad)$

$(\quad) - 8 = 0$

$(\quad) + 2 = 8$

$4 + (\quad) = 10$

$6 - 2 = (\quad)$

$0 + (\quad) = 8$

$4 - 2 = (\quad)$

$(\quad) + 4 = 5$

$3 - 3 = (\quad)$

$2 + 2 = (\quad)$

$4 - (\quad) = 2$

$3 + 4 + 1 = (\quad)$

$8 - (\quad) = 0$

$4 + 1 = (\quad)$

$(\quad) + 0 = 5$

$8 - 0 - 6 = (\quad)$

$(\quad) - 8 = 1$

$(\quad) - 7 = 2$

$5 + 0 = (\quad)$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周二 10 以内的加减法练习(2)

一、计算。

$4 + 6 =$

$2 + 5 =$

$7 - 5 =$

$8 - 3 =$

$9 - 7 =$

$8 + 2 =$

$6 - 5 =$

$3 + 4 =$

$9 - 6 =$

$7 + 0 =$

$5 - 5 =$

$3 - 1 =$

$9 - 4 =$

$6 + 3 =$

$8 + 1 =$

$0 + 5 =$

$8 - 8 =$

$2 + 6 =$

$6 - 3 =$

$7 + 2 =$

$10 - 8 =$

二、在下面的○里填上“>”“<”或“=”。

$4 - 4 \bigcirc 0 + 3$

△

$3 - 1 \bigcirc 2 - 2$

△

$4 + 0 \bigcirc 4 + 1$

△

$2 + 3 \bigcirc 1 + 4$

△

$4 - 3 \bigcirc 2 + 1$

△

$5 - 5 \bigcirc 2 + 2$

△

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周三 认识位置(1)

$8 - 4 =$

$10 - 3 =$

$6 + 4 =$

$9 - 5 =$

$10 - 2 =$

$3 + 7 =$

$2 + 7 =$

$6 - 5 =$

$8 - 6 =$

$9 + 1 =$

$7 - 4 =$

$2 + 6 =$

$9 - 4 =$

$10 - 4 =$

$6 + 2 =$

$8 - 5 =$

$4 + 6 =$

$2 + 7 =$

$9 - 3 =$

$5 - 3 =$

$7 - 6 =$

$2 + 5 =$

$9 - 1 =$

$4 + 5 =$

$3 + 2 - 1 =$

$5 + 4 - 1 =$

$8 - 1 + 2 =$

$10 - 7 + 2 =$

$7 + 3 - 2 =$

$9 - 3 + 1 =$

$8 - 5 + 3 =$

$5 + 4 - 3 =$

$6 + 1 + 1 =$

$9 - 3 + 1 =$

$10 - 7 + 4 =$

$5 + 2 - 3 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周四 认识位置(2)

$$\begin{array}{lll}
 (\quad) + 3 = 4 & 7 + 2 = (\quad) & 6 + (\quad) = 9 \\
 4 + 6 - 3 = (\quad) & 4 + 5 + 1 = (\quad) & 7 - 7 = (\quad) \\
 9 - 7 = (\quad) & 10 - (\quad) = 5 & 8 + (\quad) = 8 \\
 9 - 9 = (\quad) & 7 - 0 = (\quad) & 9 - 6 = (\quad) \\
 10 - 2 + 0 = (\quad) & 6 - (\quad) = 4 & 6 - 2 - 2 = (\quad) \\
 5 - 3 = (\quad) & (\quad) - 2 = 1 & 4 + 2 = (\quad) \\
 4 + (\quad) = 8 & (\quad) - 6 = 0 & 10 - (\quad) = 8 \\
 3 + (\quad) = 10 & (\quad) + 2 = 2 & 1 + 2 = (\quad) \\
 (\quad) + 10 = 10 & 1 + 0 + 4 = (\quad) & (\quad) - 5 = 2 \\
 8 - (\quad) = 7 & 3 - 1 = (\quad) & (\quad) - 3 = 0 \\
 (\quad) - 5 = 2 & 9 - 4 = (\quad) & (\quad) + 0 = 8 \\
 8 + 2 - 5 = (\quad) & 10 + 0 = (\quad) & 2 + 6 - 1 = (\quad)
 \end{array}$$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周五 智慧广场

$1 + 2 + 4 =$

$9 - 6 - 3 =$

$8 + 0 - 2 =$

$9 - 2 - 3 =$

$1 + 0 + 5 =$

$6 - 3 + 5 =$

$4 + 5 + 0 =$

$8 - 2 - 5 =$

$6 + 4 - 3 =$

$10 - 5 - 3 =$

$3 + 6 + 1 =$

$5 + 3 - 1 =$

$5 + 3 + 2 =$

$4 + 5 - 3 =$

$3 - 2 + 9 =$

$2 + 4 + 3 =$

$8 - 3 + 2 =$

$8 + 1 - 2 =$

$8 - 2 - 4 =$

$2 + 4 - 3 =$

$4 - 2 + 6 =$

$2 + 5 + 1 =$

$9 - 2 + 3 =$

$9 + 0 - 5 =$

$7 - 0 - 3 =$

$3 + 6 - 0 =$

$3 + 1 + 4 =$

$0 + 5 + 3 =$

$2 + 3 - 1 =$

$7 - 2 - 3 =$

$3 + 1 + 5 =$

$8 - 3 + 4 =$

$5 + 4 - 6 =$

$10 - 4 - 0 =$

$0 + 5 - 4 =$

$4 + 5 + 0 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周末 综合练习

zhí jiē xiě chū dé shù

一、直接写出得数。

$9 - 4 - 2 =$

$5 - 5 + 4 =$

$2 + 7 - 5 =$

$10 - 4 - 4 =$

$3 - 2 + 6 =$

$6 - 3 + 2 =$

$5 + 2 + 2 =$

$8 - 5 + 3 =$

$2 + 5 - 1 =$

$6 + 1 + 3 =$

$4 + 3 - 7 =$

$7 + 2 - 8 =$

$7 + 1 + 2 =$

$8 + 2 - 7 =$

$5 - 2 + 7 =$

$10 - 9 - 1 =$

$6 - 4 + 5 =$

$7 + 3 - 5 =$

$8 - 4 - 4 =$

$8 + 1 - 4 =$

$10 - 2 + 1 =$

$9 - 6 - 2 =$

$4 + 4 - 7 =$

$3 + 2 + 4 =$

zài lǐ tián shàng

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$1 + 3 + 1 \bigcirc 6$

$9 - 8 + 1 \bigcirc 2$

$1 \bigcirc 10 - 8 - 2$

$3 + 7 - 6 \bigcirc 3$

$8 - 5 + 4 \bigcirc 8$

$4 + 6 - 5 \bigcirc 5$

$0 + 3 + 7 \bigcirc 9$

$9 - 2 - 4 \bigcirc 5$

$0 \bigcirc 9 - 9 + 7$

$4 + 4 - 2 \bigcirc 7$

$8 + 2 - 7 \bigcirc 5$

$7 - 5 - 2 \bigcirc 1$

bǎ dé shù xiāng děng de suàn shì lián qǐ lái

三、把得数相等的算式连起来。

$$8 + 1 - 4 \quad 6 - 1 + 3 \quad 10 - 4 - 3 \quad 8 + 2 - 3 \quad 7 - 6 - 1$$

$$3 + 3 + 2 \quad 8 - 3 - 2 \quad 4 - 2 - 2 \quad 6 + 2 - 3 \quad 10 - 6 + 3$$

suàn yi suàn

四、算一算。

3	
7	
10 -	=
8	
2	
5	

5	
3	
5 +	=
4	
1	
2	

tián yi tián

五、填一填。

$$7+2-6=\square$$

$$3+2+5=\square$$

$$9-8+4=\square$$

订正栏

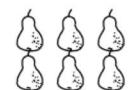
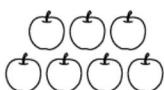
用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周一 期中复习(1)

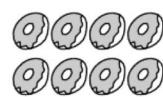


微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

shǔ yì shù jiāng wù pǐn yǔ xiāng duì yìng de shù zì lián yí lián
一、数一数，将物品与相对应的数字连一连。



3 4 5 6 7 8 9 10



bǐ yì bǐ tián yí tián
二、比一比，填一填。

1. **蝴蝶比花()** ○

花比蝴蝶() ○

2. **猫与鱼()** ○

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 期中复习(2)

一、计算。

$2 + 6 =$

$3 + 5 =$

$1 + 8 =$

$4 + 2 =$

$5 - 2 =$

$6 - 3 =$

$10 - 5 =$

$8 - 4 =$

$4 + 5 =$

$0 + 9 =$

$3 + 6 =$

$5 + 5 =$

$8 + 2 - 6 =$

$10 - 4 + 3 =$

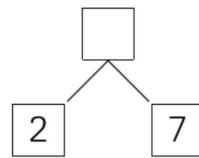
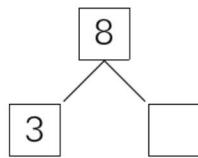
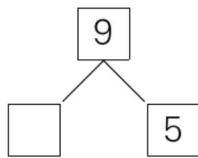
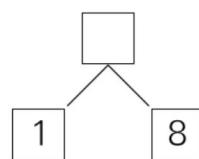
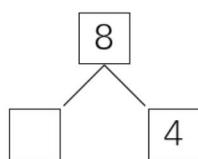
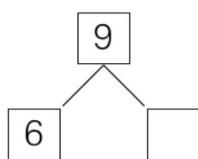
$1 + 7 - 8 =$

$10 - 5 - 3 =$

$2 + 3 + 4 =$

$9 - 5 + 2 =$

二、分一分，填一填。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周三 期中复习(3)

zhí jiē xiě chū dé shù

一、直接写出得数。

$8 - 3 =$

$1 + 7 =$

$8 - 2 =$

$9 - 3 =$

$6 + 0 =$

$6 - 4 =$

$4 + 2 =$

$7 - 5 =$

$7 - 4 =$

$8 - 5 =$

$9 - 6 =$

$5 + 1 =$

$9 - 4 =$

$5 + 4 =$

$7 + 1 =$

$5 + 4 - 6 =$

$4 + 3 + 2 =$

$3 + 7 - 6 =$

$8 - 6 + 3 =$

$7 - 4 + 2 =$

$3 + 5 - 4 =$

zài

lǐ tián shàng

huò

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$6 - 3 + 2 \bigcirc 5$

$8 + 1 - 4 \bigcirc 6$

$9 - 6 + 5 \bigcirc 7$

$8 + 1 - 4 \bigcirc 8$

$9 + 1 - 5 \bigcirc 4$

$10 - 2 - 5 \bigcirc 3$

$7 - 3 + 3 \bigcirc 6$

$9 - 4 - 2 \bigcirc 4$

$7 - 4 - 3 \bigcirc 2$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周四 期中复习(4)

zhí jiē xiě chū dé shù

一、直接写出得数。

$0 + 5 =$

$6 - 3 =$

$9 - 7 =$

$4 + 4 =$

$10 - 7 =$

$7 - 4 =$

$9 - 3 =$

$5 + 5 =$

$5 + 4 =$

$2 + 5 - 4 =$

$9 + 1 - 5 =$

$5 - 3 + 6 =$

$7 + 3 - 6 =$

$8 + 2 - 3 =$

$5 + 4 - 4 =$

$1 + 7 - 2 =$

$4 + 6 - 9 =$

$10 - 7 - 1 =$

$9 - 3 + 2 =$

$1 + 2 + 4 =$

$2 + 7 - 5 =$

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

$3 + 4 \bigcirc 9$

$8 - 3 \bigcirc 6$

$5 + 3 \bigcirc 7 - 4 + 2$

$7 - 1 \bigcirc 5$

$4 \bigcirc 6 - 1$

$8 + 1 \bigcirc 5 + 4 + 1$

$3 + 3 \bigcirc 9 - 2$

$7 - 5 \bigcirc 4 - 2$

$1 + 3 \bigcirc 6 - 1 - 2$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

60



周五 期中复习(5)

jì suàn

一、计算。

$8 - 3 =$

$7 + 2 =$

$10 - 6 =$

$5 + 4 =$

$6 - 4 =$

$9 + 1 =$

$7 + 3 =$

$9 - 7 =$

$4 + 6 =$

$2 + 8 =$

$8 - 5 =$

$10 - 9 =$

$9 - 6 =$

$8 + 2 =$

$7 - 6 =$

$10 - 3 =$

$1 + 3 =$

$5 + 5 =$

$8 - 4 =$

$6 + 3 =$

$9 - 5 =$

zài lǐ tián shàng hé shì de shù

二、在□里填上合适的数。

$\square + 5 = 7$

$\square - 2 = 7$

$\square - 5 = 3$

$\square - 3 = 7$

$\square + 2 = 5$

$\square - 8 = 1$

$\square - 2 = 6$

$\square - 3 = 3$

$\square + 4 = 9$

$\square - 2 = 3$

$\square - 5 = 1$

$\square - 2 = 4$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习

一、计算。

$10 - 10 =$

$5 + 5 =$

$10 - 9 =$

$3 + 7 =$

$6 + 2 =$

$9 - 6 =$

$10 - 5 =$

$8 - 7 =$

$9 - 4 =$

$7 + 2 =$

$10 - 0 =$

$4 + 4 =$

$7 - 6 + 5 =$

$3 + 5 - 6 =$

$2 + 7 - 4 =$

$3 + 6 - 4 =$

$6 - 4 + 6 =$

$6 - 4 + 7 =$

$8 - 6 + 8 =$

$2 + 8 - 6 =$

$7 - 3 + 4 =$

$9 - 4 + 3 =$

$5 + 3 - 4 =$

$7 + 3 - 4 =$

$5 + 3 - 4 =$

$9 - 5 + 4 =$

$6 - 4 + 5 =$

$10 - 8 + 7 =$

$6 + 4 - 5 =$

$3 + 7 - 5 =$

$8 - 6 + 5 =$

$9 - 7 + 6 =$

$10 - 7 + 6 =$

二、填一填。

$6 + (\quad) = 9$

$(\quad) + 5 = 10$

$(\quad) + 4 = 8$

$(\quad) + 3 = 10$

$2 + (\quad) = 9$

$5 + (\quad) = 8$

$2 + (\quad) = 10$

$(\quad) + 3 = 7$

$(\quad) + 3 = 10$

$(\quad) + 5 = 9$

$3 + (\quad) = 6$

$8 + (\quad) = 9$

三、在○里填上“>”“<”或“=”。

$7 - 5 \bigcirc 5$

$3 + 6 \bigcirc 9$

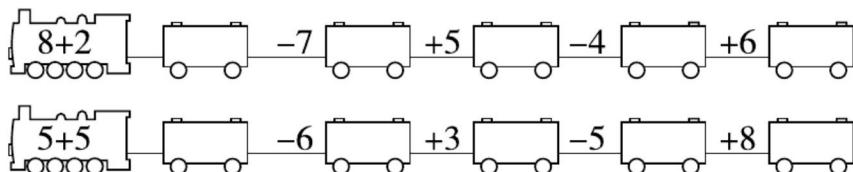
$10 - 5 \bigcirc 5$

$9 - 7 \bigcirc 3$

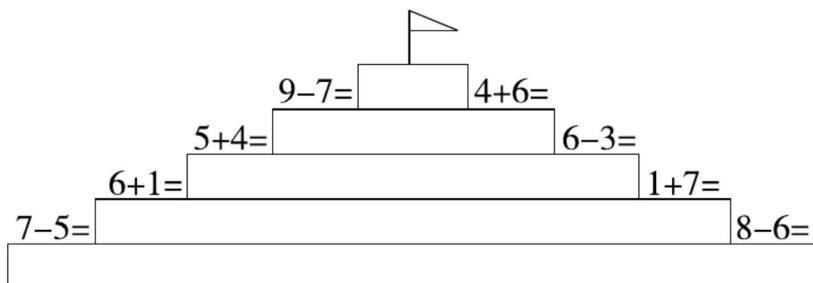
$6 + 2 \bigcirc 7$

$8 - 3 \bigcirc 3$

四、开火车。



五、夺红旗。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 11—20 各数的认识(1)

shǔ yì shù tián yí tián

一、数一数，填一填。

1. 10 □ □ 13 14 □ □ □ 18 □ □

2. 20 18 □ 14 □ □ 8 □ □ 2 □

二、在○里填上“>”“<”或“=”。

20○19

11○16

15○14

8○18

17○7

13○19

三、小蚂蚁搬家。(连一连)

18

15

11

13

12

16

19

小于14
大于14


订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周二 11—20 各数的认识(2)

$10 - 3 =$

$5 + 1 =$

$9 - 3 =$

$8 - 8 =$

$3 + 7 =$

$6 - 5 =$

$1 + 6 - 3 =$

$5 - 4 + 8 =$

$6 + 1 + 3 =$

$4 + 3 + 1 =$

$8 - 1 - 4 =$

$7 + 1 - 2 =$

$7 - 1 + 3 =$

$9 - 4 + 3 =$

$10 - 3 + 2 =$

$2 + 3 + 3 =$

$5 + 3 + 2 =$

$6 - 5 - 0 =$

$10 - 5 + 3 =$

$7 - 7 + 8 =$

$4 + 3 - 5 =$

$2 + 3 + 4 =$

$6 - 0 - 2 =$

$10 - 2 - 7 =$

$6 + 3 + 0 =$

$7 - 2 - 4 =$

$10 - 1 - 9 =$

$9 - 2 - 4 =$

$1 + 2 + 5 =$

$8 - 1 - 3 =$

$3 + 6 + 1 =$

$8 - 1 - 1 =$

$7 - 3 - 2 =$

$3 + 2 + 5 =$

$8 - 3 - 2 =$

$10 - 1 - 8 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周三 十几加几的加法(不进位)(1)

$10 + 5 =$

$10 + 9 =$

$10 + 1 =$

$12 + 6 =$

$12 + 5 =$

$14 + 1 =$

$13 + 5 =$

$11 + 7 =$

$6 + 11 =$

$11 + 3 =$

$10 + 6 =$

$5 + 11 =$

$15 + 2 =$

$3 + 13 =$

$14 + 3 =$

$6 + 13 =$

$4 + 5 =$

$15 + 1 =$

$15 + 4 =$

$10 + 8 =$

$10 + 7 =$

$12 + 4 =$

$14 + 4 =$

$15 + 3 =$

$13 + 6 =$

$12 + 7 =$

$3 + 11 =$

$9 + 1 + 6 =$

$9 + 1 + 3 =$

$9 + 1 + 7 =$

$7 + 3 + 6 =$

$4 + 6 + 3 =$

$8 + 2 + 7 =$

$10 + \boxed{\quad} = 18$

$4 + \boxed{\quad} = 15$

$12 + \boxed{\quad} = 19$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周四 十几加几的加法(不进位)(2)

$15 + 4 =$

$12 + 7 =$

$11 + 5 =$

$16 + 3 =$

$12 + 5 =$

$8 + 11 =$

$4 + 12 =$

$5 + 13 =$

$11 + 6 =$

$17 + 2 =$

$14 + 2 =$

$16 + 2 =$

$16 + 1 =$

$13 + 4 =$

$12 + 6 =$

$12 + 4 =$

$13 + 3 =$

$11 + 7 =$

$13 + 5 =$

$12 + 1 =$

$16 + 0 =$

$6 + 4 + 2 =$

$5 + 11 + 2 =$

$17 + 1 + 1 =$

$4 + 10 + 5 =$

$9 + 1 + 4 =$

$11 + 3 + 3 =$

$12 + 4 + 3 =$

$2 + 2 + 12 =$

$2 + 8 + 7 =$

$10 + 5 + 4 =$

$3 + 2 + 5 =$

$5 + 5 + 8 =$

$3 + 7 + 6 =$

$8 + 2 + 2 =$

$9 + 1 + 3 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周五 十几减几的减法(不退位)

$12 - 2 =$

$18 - 8 =$

$19 - 8 =$

$17 - 7 =$

$18 - 0 =$

$16 - 2 =$

$15 - 5 =$

$16 - 6 =$

$13 - 2 =$

$19 - 2 =$

$18 - 4 =$

$19 - 9 =$

$18 - 7 =$

$17 - 5 =$

$14 - 3 =$

$16 - 5 =$

$19 - 0 =$

$15 - 3 =$

$14 - 2 =$

$12 - 10 =$

$18 - 5 =$

$15 - 4 =$

$15 - 10 =$

$14 - 4 =$

$17 - 10 =$

$17 - 6 =$

$18 - 6 =$

$14 - (\quad) = 10$

$10 + (\quad) = 16$

$(\quad) + 12 = 19$

$14 - (\quad) = 12$

$16 - (\quad) = 6$

$(\quad) - 7 = 12$

$12 + (\quad) = 16$

$13 + (\quad) = 18$

$(\quad) + 11 = 19$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周末 综合练习

jì suàn

一、计算。

$18 - 4 =$

$12 + 7 =$

$18 - 8 =$

$16 - 3 =$

$18 - 5 =$

$8 + 11 =$

$4 + 12 =$

$5 + 13 =$

$19 - 6 =$

$15 + 3 =$

$14 - 2 =$

$16 + 2 =$

$16 - 5 =$

$13 + 4 =$

$18 - 6 =$

$12 + 4 =$

$17 - 3 =$

$11 + 7 =$

$19 - 6 =$

$18 - 7 =$

$16 + 3 =$

$15 - 5 =$

$14 + 2 =$

$17 - 5 =$

tián yi tián

二、填一填。

14	
16	
18	$- 4 =$
15	
17	

9	
8	
7	$=$
6	
5	



xiǎng yi xiǎng tián yi tián

三、想一想，填一填。

$7 + \boxed{\quad} = 19$

$17 - \boxed{\quad} = 12$

$10 + \boxed{\quad} = 20$

$\boxed{\quad} + 6 = 10$

$15 - \boxed{\quad} = 11$

$\boxed{\quad} + 12 = 16$

$5 + \boxed{\quad} = 16$

$17 - \boxed{\quad} = 10$

$12 + \boxed{\quad} = 18$

$7 + \boxed{\quad} = 17$

$14 - \boxed{\quad} = 10$

$10 + \boxed{\quad} = 13$

suàn yi suàn tián yi tián

四、算一算，填一填。

$$\begin{array}{c} 13 + 5 = \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \boxed{\quad} \quad \boxed{\quad} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} 12 + 4 = \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \boxed{\quad} \quad \boxed{\quad} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} 11 + 6 = \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \boxed{\quad} \quad \boxed{\quad} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} 15 - 2 = \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \boxed{\quad} \quad \boxed{\quad} \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ 12 \quad 4 \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ 5 \quad 12 \end{array}$$

$$\begin{array}{c} \boxed{\quad} \\ \swarrow \quad \searrow \\ 10 \quad 7 \end{array}$$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周一 智慧广场



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
△本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
△配套线上网课△学习工具

$18 - 10 =$

$13 - 3 =$

$16 - 6 =$

$19 - 2 =$

$17 - 5 =$

$16 - 4 =$

$16 - 5 =$

$19 - 9 =$

$16 - 1 =$

$18 - 2 =$

$17 - 6 =$

$18 - 5 =$

$19 - 7 =$

$18 - 7 =$

$19 - 6 =$

$18 - 8 =$

$18 - 4 =$

$17 - 3 =$

$18 - 6 =$

$16 - 2 =$

$19 - 8 =$

$14 - 3 =$

$15 - 1 =$

$15 - 5 =$

$14 - 4 =$

$17 - 4 =$

$17 - 7 =$

$\square + 8 = 18$

$10 + \square = 14$

$10 + 2 = \square$

$10 + \square = 15$

$\square + 9 = 19$

$\square + 7 = 17$

$10 + \square = 16$

$4 + \square = 14$

$19 - \square = 10$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 认识图形(1)

$10 + 5 =$

$10 + 8 =$

$12 + 3 =$

$16 - 10 =$

$12 + 6 =$

$11 + 5 =$

$18 - 6 =$

$16 - 2 =$

$13 + 6 =$

$14 + 2 =$

$18 - 3 =$

$12 + 4 =$

$2 + 11 =$

$13 + 5 =$

$19 - 6 =$

$15 - 4 =$

$19 - 3 =$

$4 + 14 =$

$10 + 7 =$

$12 - 2 =$

$9 + 10 =$

$6 + 10 =$

$12 - 10 =$

$15 - 5 =$

$3 + 10 =$

$18 - 10 =$

$19 - 9 =$

$() + 8 = 19$

$() + 10 = 17$

$() + 1 = 11$

$() + 2 = 15$

$() + 5 = 15$

$() + 9 = 19$

$10 + () = 18$

$() + 4 = 14$

$12 + () = 13$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周三 认识图形(2)

$16 - 5 =$

$11 + 6 =$

$7 + 2 =$

$17 + 2 =$

$14 - 3 =$

$6 + 3 =$

$19 - 7 =$

$12 + 5 =$

$2 + 16 =$

$13 + 6 =$

$17 - 4 =$

$5 + 3 =$

$18 - 4 =$

$12 + 7 =$

$15 - 4 =$

$16 - 3 =$

$18 - 5 =$

$8 + 11 =$

$4 + 12 =$

$5 + 13 =$

$19 - 6 =$

$14 + 5 =$

$14 - 2 =$

$16 + 2 =$

$18 - 6 =$

$14 + 4 =$

$12 + 6 =$

$19 - 5 =$

$3 + 16 =$

$18 - 7 =$

$10 + 8 =$

$18 - 8 =$

$5 + 10 =$

$7 + 10 =$

$13 - 10 =$

$19 - 4 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆


 73

周四 认识图形(3)

$10 + 5 =$

$10 + 9 =$

$10 + 1 =$

$10 + 3 =$

$10 + 2 =$

$11 - 1 =$

$14 - 4 =$

$16 - 6 =$

$15 - 5 =$

$17 - 7 =$

$19 - 10 =$

$18 - 10 =$

$12 - 10 =$

$16 - 10 =$

$20 - 10 =$

$14 + 4 =$

$10 + 7 =$

$17 - 2 =$

$5 + 10 =$

$12 + 6 =$

$8 + 10 =$

$16 - 5 =$

$13 + 6 =$

$11 + 5 =$

$13 + 2 =$

$14 + 1 =$

$15 - 4 =$

$8 - 4 - 3 =$

$2 + 4 + 3 =$

$7 - 3 - 2 =$

$9 - 7 - 0 =$

$8 - 6 + 7 =$

$4 + 1 + 5 =$

$12 + 4 + 3 =$

$19 - 7 - 0 =$

$14 + 5 - 3 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周五 分积木

$14 - 2 =$

$12 - 2 =$

$16 - 4 =$

$13 + 5 =$

$16 - 3 =$

$15 + 4 =$

$14 + 4 =$

$3 + 13 =$

$19 - 9 =$

$18 - 0 =$

$18 - 6 =$

$13 + 6 =$

$16 - 2 =$

$5 + 11 =$

$19 - 8 =$

$11 + 3 =$

$19 - 3 =$

$15 + 2 =$

$10 + 6 =$

$17 - 5 =$

$13 + 3 =$

$10 + 7 =$

$17 - 7 =$

$9 + 10 =$

$3 + 10 =$

$13 - 3 =$

$17 - 10 =$

$6 + 10 =$

$18 - 8 =$

$15 - 5 =$

$6 + () = 9$

$() + 5 = 10$

$() + 4 = 8$

$() + 3 = 10$

$2 + () = 9$

$5 + () = 8$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习

一、计算。

$15 - 5 =$	$12 - 10 =$	$14 - 4 =$
$16 - 4 =$	$12 + 6 =$	$5 + 5 =$
$15 + 4 =$	$19 - 8 =$	$18 - 0 =$
$13 - 2 =$	$13 + 5 =$	$10 + 6 =$
$19 - 2 =$	$11 + 7 =$	$15 - 2 =$
$18 - 7 =$	$18 - 4 =$	$13 + 4 =$
$17 - 7 =$	$16 - 2 =$	$16 - 6 =$
$18 - 8 =$	$15 - 4 =$	$10 + 7 =$
$16 - 3 =$	$12 + 4 =$	$7 - 3 =$
$15 - 3 =$	$14 + 4 =$	$3 + 11 =$
$6 + 13 =$	$15 + 3 =$	$16 - 1 =$
$4 + 5 =$	$15 - 10 =$	$3 + 4 + 2 =$
$15 + 2 =$	$17 - 10 =$	$10 - 7 - 1 =$
$16 - 5 =$	$2 + 8 =$	$7 + 2 + 0 =$
$7 - 7 - 0 =$	$17 - 6 =$	$8 - 6 + 5 =$

tián yí tián

二、填一填。

$\square + 8 = 10$

$9 - \square = 4$

$3 + \square = 8$

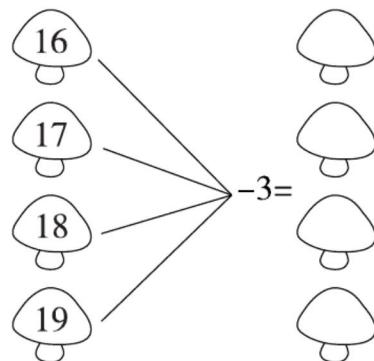
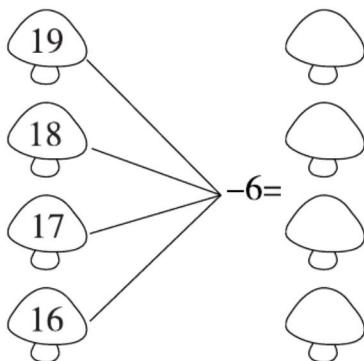
$10 - \square = 6$

$7 + \square = 9$

$\square - 3 = 2$

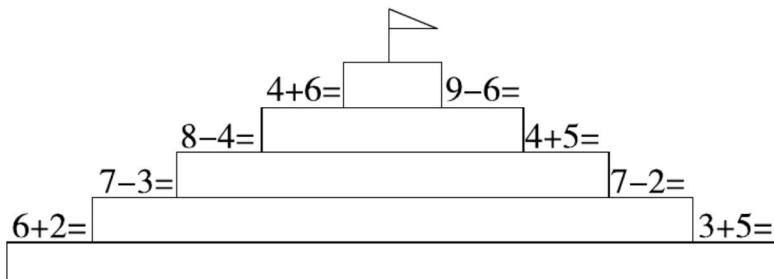
suàn yí suàn

三、算一算。



duó hóng qí

四、夺红旗。



订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 9加几(1)



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
☆本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
☆配套线上网课☆学习工具

$9 + 1 =$

$9 + 2 =$

$9 + 5 =$

$9 + 7 =$

$9 + 9 =$

$1 + 9 =$

$2 + 9 =$

$5 + 9 =$

$7 + 9 =$

$9 + 0 =$

$9 + 3 =$

$9 + 6 =$

$9 + 4 =$

$9 + 8 =$

$5 + 4 =$

$3 + 9 =$

$6 + 9 =$

$4 + 9 =$

$8 + 9 =$

$10 + 2 =$

$0 + 9 =$

$9 + (\quad) = 10$

$(\quad) + 2 = 11$

$9 + (\quad) = 14$

$(\quad) + 7 = 16$

$(\quad) + 9 = 18$

$(\quad) + 9 = 10$

$(\quad) + 9 = 11$

$(\quad) + 9 = 12$

$7 + (\quad) = 16$

$(\quad) + 0 = 9$

$(\quad) + 3 = 12$

$9 + (\quad) = 15$

$9 + (\quad) = 13$

$(\quad) + 8 = 17$

$9 + (\quad) = 19$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周二 9加几(2)

$2 + 9 =$

$9 + 4 =$

$8 + 9 =$

$5 + 9 =$

$9 + 3 =$

$6 + 9 =$

$9 + 7 =$

$9 + 2 =$

$9 + 9 =$

$4 + 9 =$

$7 + 9 =$

$1 + 9 =$

$9 + 2 =$

$9 + 6 =$

$9 + 8 =$

$9 + 1 =$

$3 + 9 =$

$0 + 9 =$

$12 + 7 =$

$6 + 13 =$

$9 + 5 =$

$3 + 10 =$

$14 - 10 =$

$16 - 6 =$

$16 + 2 =$

$15 - 5 =$

$19 - 3 =$

$13 - 3 =$

$16 - 10 =$

$10 + 5 =$

$9 + 1 + 3 =$

$9 + 1 + 2 =$

$9 + 1 + 1 =$

$9 + 1 + 6 =$

$9 + 1 + 8 =$

$9 + 1 + 9 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周三 8加几(1)

$8 + 6 =$

$5 + 8 =$

$3 + 8 =$

$7 + 8 =$

$6 + 9 =$

$8 + 4 =$

$8 + 9 =$

$8 + 8 =$

$2 + 8 =$

$8 + 3 =$

$4 + 8 =$

$7 + 9 =$

$9 + 8 =$

$9 + 4 =$

$0 + 8 =$

$5 + 9 =$

$8 + 7 =$

$8 + 5 =$

$9 + 9 =$

$6 + 8 =$

$9 + 7 =$

$() + 6 = 14$

$() + 8 = 13$

$() + 3 = 11$

$7 + () = 15$

$() + 9 = 15$

$() + 4 = 12$

$8 + () = 16$

$() + 7 = 16$

$() + 8 = 10$

$8 + () = 11$

$() + 8 = 12$

$() + 9 = 16$

$() + 8 = 17$

$() + 9 = 17$

$() + 8 = 9$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周四 8加几(2)

$8 + 7 =$

$9 + 2 =$

$10 + 2 =$

$9 + 7 =$

$9 + 5 =$

$5 + 8 =$

$7 + 8 =$

$3 + 8 =$

$9 + 4 =$

$6 + 8 =$

$2 + 8 =$

$9 + 3 =$

$9 + 6 =$

$4 + 8 =$

$18 - 4 =$

$8 + 10 =$

$2 + 9 =$

$11 + 6 =$

$3 + 9 =$

$10 + 8 =$

$15 - 3 =$

$8 + 5 =$

$9 + 9 =$

$12 + 7 =$

$7 + 9 =$

$8 + 2 =$

$5 + 9 =$

$9 + 0 =$

$8 + 6 =$

$8 + 8 =$

$0 + 8 =$

$6 + 9 =$

$8 + 9 =$

$8 + 4 =$

$8 + 3 =$

$9 + 8 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周五 8、9 加几练习

$9 + 1 =$

$8 + 9 =$

$9 + 2 =$

$8 + 7 =$

$9 + 8 =$

$8 + 6 =$

$9 + 7 =$

$9 + 5 =$

$9 + 9 =$

$8 + 4 =$

$5 + 8 =$

$8 + 8 =$

$9 + 3 =$

$8 + 5 =$

$8 + 2 =$

$6 + 8 =$

$9 + 4 =$

$9 + 0 =$

$19 - 10 =$

$9 - 5 =$

$15 - 5 =$

$9 + 6 =$

$9 + 10 =$

$7 + 9 =$

$3 + 2 - 1 =$

$5 + 4 - 1 =$

$8 - 1 + 2 =$

$10 - 7 + 2 =$

$7 + 3 - 2 =$

$8 + 9 - 6 =$

$8 - 5 + 3 =$

$5 + 4 - 3 =$

$6 + 1 + 1 =$

$9 - 3 + 1 =$

$10 - 7 + 4 =$

$5 + 2 - 3 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周末 综合练习

jì suàn

一、计算。

$9 + 6 =$

$9 + 7 =$

$9 + 5 =$

$9 + 4 =$

$3 + 6 =$

$9 + 3 =$

$17 - 6 =$

$12 + 5 =$

$9 + 9 =$

$3 + 9 =$

$5 + 9 =$

$2 + 9 =$

$4 + 9 =$

$6 + 9 =$

$8 + 9 =$

$6 + 8 =$

$8 + 2 =$

$8 + 5 =$

$8 + 8 =$

$7 + 8 =$

$4 + 8 =$

$7 + 9 =$

$8 + 6 =$

$8 + 7 =$

tián yi tián

二、填一填。

1
2
3
4
5
6
7
8

$+ 8 =$

9
8
7
6
5
4
3
2

$9 +$

suàn yi suàn tián yi tián

三、算一算，填一填。

$$8 + 3 = \boxed{\quad}$$

```

  8
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  5   3
  |
  +-----+
  8   1
  
```

$$8 + 5 = \boxed{\quad}$$

```

  8
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  3   5
  |
  +-----+
  8   3
  
```

$$8 + 7 = \boxed{\quad}$$

```

  8
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  5   7
  |
  +-----+
  8   5
  
```

$$8 + 6 = \boxed{\quad}$$

```

  8
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  4   6
  |
  +-----+
  8   4
  
```

$$8 + 4 = \boxed{\quad}$$

```

  8
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  2   4
  |
  +-----+
  8   2
  
```

$$9 + 6 = \boxed{\quad}$$

```

  9
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  3   6
  |
  +-----+
  9   3
  
```

$$9 + 5 = \boxed{\quad}$$

```

  9
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  4   5
  |
  +-----+
  9   4
  
```

$$9 + 7 = \boxed{\quad}$$

```

  9
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  2   7
  |
  +-----+
  9   2
  
```

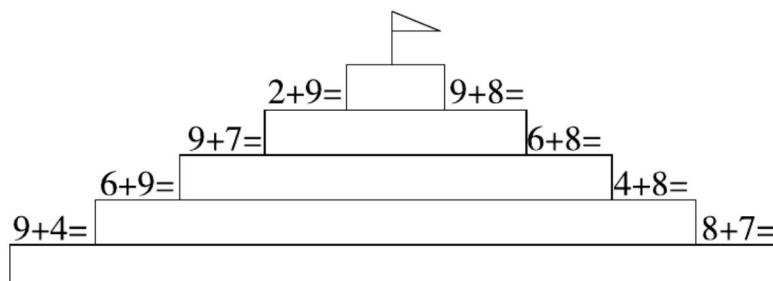
$$9 + 9 = \boxed{\quad}$$

```

  9
  |
  +-----+
 /   \
 \   /
  5   9
  |
  +-----+
  9   5
  
```

duó hóng qí

四、夺红旗。



订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
△本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
△配套线上网课△学习工具

周一 6、7 加几(1)

$6 + 5 =$

$6 + 7 =$

$5 + 8 =$

$5 + 7 =$

$8 + 3 =$

$5 + 6 =$

$4 + 8 =$

$6 + 8 =$

$5 + 9 =$

$3 + 9 =$

$4 + 9 =$

$4 + 7 =$

$8 + 5 =$

$7 + 8 =$

$7 + 4 =$

$8 + 0 =$

$7 + 7 =$

$7 + 6 =$

$7 + 5 =$

$8 + 8 =$

$8 + 4 =$

$7 + 9 =$

$8 + 9 =$

$8 + 6 =$

$9 + 7 =$

$2 + 6 =$

$19 - 9 =$

$9 + 3 =$

$3 + 5 =$

$4 + 6 =$

$9 + 4 =$

$10 - 5 =$

$9 + 2 =$

$9 + 1 =$

$1 + 7 =$

$9 + 8 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 6、7 加几(2)

$4 + 7 =$

$1 + 7 =$

$2 + 7 =$

$7 + 3 =$

$6 + 5 =$

$3 + 7 =$

$8 + 7 =$

$6 + 7 =$

$7 + 8 =$

$7 + 0 =$

$0 + 7 =$

$7 + 6 =$

$7 + 9 =$

$7 + 2 =$

$5 + 7 =$

$7 + 4 =$

$7 + 1 =$

$7 + 5 =$

$7 + 7 =$

$6 + 6 =$

$8 + 8 =$

$9 + 7 =$

$2 + 9 =$

$3 + 8 =$

$7 + 1 + 2 =$

$8 + 2 - 7 =$

$5 - 2 + 7 =$

$10 - 9 - 1 =$

$6 - 4 + 5 =$

$7 + 3 - 5 =$

$8 - 4 - 4 =$

$8 + 1 - 4 =$

$10 - 2 + 1 =$

$9 - 6 - 2 =$

$4 + 4 - 7 =$

$3 + 2 + 4 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周三 6、7 加几(3)

$6 + 5 =$

$7 + 5 =$

$6 + 9 =$

$8 + 4 =$

$7 + 6 =$

$9 + 7 =$

$9 + 9 =$

$8 + 8 =$

$7 + 7 =$

$7 + 3 =$

$9 + 4 =$

$8 + 3 =$

$8 + 9 =$

$7 + 8 =$

$7 + 4 =$

$9 + 6 =$

$6 + 8 =$

$8 + 5 =$

$8 + 7 =$

$9 + 5 =$

$8 + 6 =$

$8 + 2 + 3 =$

$7 + 3 + 4 =$

$9 + 4 + 4 =$

$6 + 4 + 5 =$

$8 + 2 + 5 =$

$9 + 1 + 8 =$

$6 + 8 + 1 =$

$9 + 1 + 5 =$

$6 + 5 + 4 =$

$7 + 3 + 6 =$

$6 + 4 + 8 =$

$8 + 2 + 8 =$

$6 + 4 + 9 =$

$7 + 7 + 2 =$

$7 + 3 + 3 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周四 回顾整理(1)

$4 + 6 =$

$8 + 6 =$

$3 + 6 =$

$1 + 6 =$

$7 + 6 =$

$6 + 5 =$

$2 + 6 =$

$6 + 9 =$

$6 + 3 =$

$5 + 6 =$

$6 + 0 =$

$7 + 9 =$

$8 + 3 =$

$7 + 7 =$

$8 + 8 =$

$9 + 6 =$

$8 - 8 =$

$18 - 8 =$

$10 - 8 =$

$7 + 4 =$

$9 + 3 =$

$6 + 6 =$

$8 + 5 =$

$8 + 4 =$

$9 + 5 =$

$7 + 8 =$

$6 + 10 =$

$7 + 10 =$

$13 - 10 =$

$17 - 7 =$

$6 + \square = 14$

$8 + \square = 13$

$6 + \square = 12$

$8 + \square = 16$

$7 + \square = 15$

$9 + \square = 18$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周五 回顾整理(2)

$7 + 5 =$

$6 + 6 =$

$9 + 8 =$

$8 + 7 =$

$7 + 7 =$

$6 + 8 =$

$9 + 4 =$

$7 + 6 =$

$8 + 5 =$

$6 + 5 =$

$8 + 0 =$

$7 + 4 =$

$7 + 3 =$

$8 + 6 =$

$7 + 8 =$

$6 + 9 =$

$8 + 8 =$

$7 + 9 =$

$8 + 2 + 4 =$

$7 + 3 + 5 =$

$5 + 5 + 6 =$

$8 + 9 - 5 =$

$8 + 4 + 2 =$

$6 + 5 + 7 =$

$8 + 9 - 10 =$

$15 - 10 + 8 =$

$16 - 6 + 7 =$

$4 + 8 - 10 =$

$4 + 5 + 5 =$

$17 - 7 - 7 =$

$6 + 9 - 10 =$

$17 - 10 + 5 =$

$8 + 7 - 10 =$

$3 + 6 + 7 =$

$14 - 10 + 7 =$

$16 - 6 + 5 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习

一、算一算。

$4 + 9 =$	$9 + 7 =$	$9 + 9 =$
$2 + 9 =$	$9 + 3 =$	$7 + 7 =$
$8 + 9 =$	$3 + 9 =$	$7 + 8 =$
$5 + 6 =$	$9 + 5 =$	$6 + 9 =$
$8 + 7 =$	$4 + 7 =$	$6 + 5 =$
$7 + 9 =$	$6 + 8 =$	$8 + 6 =$
$7 + 6 =$	$8 + 4 =$	$7 + 5 =$
$8 + 8 =$	$2 + 6 =$	$5 + 4 =$
$0 + 7 =$	$9 + 2 =$	$5 + 8 =$
$5 + 7 =$	$6 + 7 =$	$6 + 4 =$
$9 + 0 =$	$9 + 6 =$	$9 + 1 =$
$(\quad) + 9 = 15$	$7 + (\quad) = 16$	$(\quad) + 8 = 15$
$(\quad) + 5 = 14$	$9 + (\quad) = 18$	$(\quad) + 9 = 11$
$6 + (\quad) = 15$	$(\quad) + 6 = 14$	$8 + (\quad) = 17$
$(\quad) + 4 = 12$	$9 + (\quad) = 17$	$9 + (\quad) = 16$

二、在 里填上“+”或“-”。

$12 \square 6 = 18$

$6 \square 9 = 15$

$17 \square 3 = 14$

$15 \square 2 = 13$

$4 \square 8 = 12$

$12 \square 8 = 20$

$13 \square 6 = 19$

$7 \square 6 = 13$

$16 \square 6 = 10$

$11 \square 5 = 16$

$5 \square 7 = 12$

$18 \square 5 = 13$

三、填一填。

2
4
6
8
10

$+ 7 =$

$18 -$

2
4
6
8
10

 $=$

$7 + 8 = \square$

$6 + 9 = \square$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 总复习(1)



微信扫码
您扫描获得的权益主要有：
△本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
△配套线上网课△学习工具

$9 + 6 =$

$4 + 8 =$

$18 - 4 =$

$7 + 8 =$

$2 + 9 =$

$11 + 6 =$

$3 + 9 =$

$6 + 8 =$

$15 - 3 =$

$8 + 5 =$

$9 + 9 =$

$12 + 7 =$

$9 + 4 =$

$9 + 5 =$

$2 + 8 =$

$8 + 3 =$

$7 + 4 =$

$15 - 10 =$

$5 + 8 =$

$2 + 10 =$

$12 - 3 =$

$6 + 9 =$

$6 + 6 =$

$18 - 6 =$

$9 + 8 =$

$4 + 7 =$

$17 - 7 =$

$5 + 9 =$

$15 - 5 =$

$3 + 7 =$

$4 + 6 =$

$5 + 7 =$

$3 + 8 =$

$4 + 9 =$

$8 + 4 =$

$6 + 7 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周二 总复习(2)

$2 + 9 =$

$4 + 8 =$

$3 + 10 =$

$5 + 8 =$

$5 + 9 =$

$4 + 7 =$

$4 + 9 =$

$8 + 5 =$

$4 + 5 =$

$9 + 3 =$

$5 + 6 =$

$9 + 5 =$

$4 + 6 =$

$7 + 8 =$

$9 + 4 =$

$3 + 9 =$

$5 + 4 =$

$3 + 4 =$

$6 + 4 + 5 =$

$8 + 2 + 5 =$

$9 + 1 + 8 =$

$6 + 8 + 1 =$

$9 + 1 + 5 =$

$6 + 5 + 4 =$

$7 + 3 + 6 =$

$6 + 4 + 8 =$

$8 + 2 + 8 =$

$6 + 4 + 9 =$

$7 + 7 + 2 =$

$7 + 3 + 3 =$

$9 + 2 + 1 =$

$6 + 4 + 2 =$

$9 + 1 + 3 =$

$1 + 6 - 3 =$

$5 - 4 + 8 =$

$6 + 1 + 3 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周三 总复习(3)

$7 + 6 =$

$4 + 8 =$

$9 + 4 =$

$8 + 8 =$

$6 + 9 =$

$8 + 7 =$

$4 + 6 =$

$8 + 5 =$

$6 + 6 =$

$6 + 7 =$

$4 + 9 =$

$8 + 0 =$

$6 + 8 =$

$3 + 9 =$

$8 + 9 =$

$10 + 8 =$

$9 + 6 =$

$5 + 7 =$

$18 - 4 =$

$12 + 7 =$

$20 - 10 =$

$16 - 3 =$

$18 - 5 =$

$8 + 11 =$

$4 + 12 =$

$5 + 13 =$

$19 - 6 =$

$16 + 3 =$

$14 - 2 =$

$16 + 2 =$

$7 - 1 + 3 =$

$9 - 4 + 3 =$

$10 - 3 + 2 =$

$2 + 3 + 3 =$

$5 + 3 + 2 =$

$6 - 5 - 0 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周四 总复习(4)

$9 + 7 =$

$8 + 7 =$

$6 + 2 =$

$10 + 9 =$

$8 + 5 =$

$5 + 7 =$

$8 + 0 =$

$9 + 6 =$

$9 + 8 =$

$8 + 8 =$

$7 + 6 =$

$8 + 6 =$

$5 + 6 =$

$5 + 8 =$

$7 + 7 =$

$6 + 8 =$

$9 + 4 =$

$6 + 5 =$

$4 + 9 =$

$4 + 7 =$

$7 + 5 =$

$5 + 9 =$

$11 + 4 =$

$4 + 8 =$

$9 + 9 =$

$5 + 3 =$

$10 + 5 =$

$7 + 12 - 5 =$

$5 + 14 - 10 =$

$10 + 7 + 1 =$

$7 + 3 + 5 =$

$8 + 3 + 6 =$

$7 + 3 + 7 =$

$7 + 4 + 8 =$

$6 + 4 + 3 =$

$7 + 3 + 9 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

95

周五 总复习(5)

$9 - 7 =$

$4 - 3 =$

$10 - 8 =$

$6 - 5 =$

$8 - 2 =$

$3 - 3 =$

$9 - 6 =$

$5 - 3 =$

$7 - 6 =$

$4 - 4 =$

$7 - 3 =$

$8 - 4 =$

$6 - 6 =$

$7 - 2 =$

$5 + 4 =$

$8 + 2 =$

$4 + 3 =$

$9 + 6 =$

$5 - 5 =$

$3 + 7 =$

$10 - 1 =$

$6 + 3 =$

$9 - 4 =$

$2 + 5 =$

$7 - 5 =$

$5 - 2 =$

$7 - 4 =$

$5 + () = 14$

$4 + () = 11$

$3 + () = 11$

$5 + () = 12$

$4 + () = 10$

$2 + () = 10$

$4 + () = 12$

$3 + () = 14$

$5 + () = 13$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周末 综合练习

jì suàn

一、计算。

$(\quad) - 1 = 5$

$(\quad) + 10 = 10$

$2 + 2 = (\quad)$

$1 + 5 = (\quad)$

$(\quad) + 6 = 6$

$7 - (\quad) = 7$

$(\quad) - 8 = 0$

$6 - 2 = (\quad)$

$(\quad) + 4 = 5$

$4 - (\quad) = 2$

$4 + 1 = (\quad)$

$(\quad) - 8 = 1$

$3 + (\quad) = 3$

$(\quad) - 1 = 2$

$2 - (\quad) = 0$

$0 + (\quad) = 1$

$6 - (\quad) = 5$

$4 - 2 = (\quad)$

$7 + (\quad) = 9$

$(\quad) + 6 = 7$

$8 - (\quad) = 0$

$(\quad) + 8 = 9$

$4 + (\quad) = 10$

$7 - (\quad) = 1$

$3 + 5 = (\quad)$

$3 + (\quad) = 8$

$(\quad) + 2 = 8$

$0 + (\quad) = 8$

$3 - 3 = (\quad)$

$10 - 7 = (\quad)$

$(\quad) + 0 = 5$

$(\quad) - 7 = 2$

$(\quad) - 0 = 10$

$10 - (\quad) = 0$

$8 - 8 = (\quad)$

$5 - 2 = (\quad)$

$10 - (\quad) = 4$

$7 - 7 = (\quad)$

$9 - 8 = (\quad)$

$1 + 1 + 0 = (\quad)$

$8 + 1 + 0 = (\quad)$

$10 - 3 - 3 = (\quad)$

$5 - 0 - 4 = (\quad)$

$6 - 4 - 1 = (\quad)$

$3 + 4 + 1 = (\quad)$

zài lǐ tián shàng huò

●二、在□里填上“+”或“-”。

$12 \square 6 = 18$

$6 \square 9 = 15$

$17 \square 3 = 14$

$15 \square 2 = 13$

$4 \square 8 = 12$

$12 \square 8 = 20$

$13 \square 6 = 19$

$7 \square 6 = 13$

$16 \square 6 = 10$

tián yi tián

●三、填一填。

14
16
18
15
17

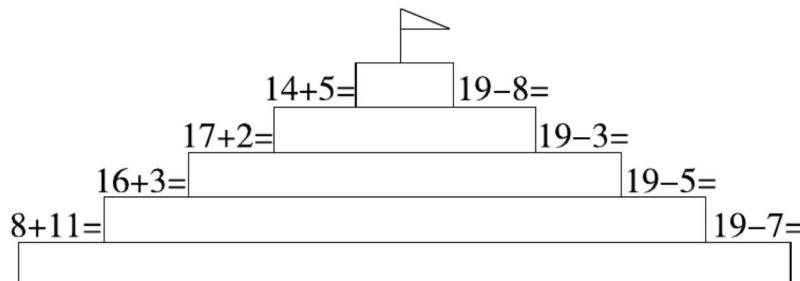
- 4 =

9
8
7
6
5

19 -

duó hóng qí

●四、夺红旗。



订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周一 复习 10 以内数的认识(1)

$4 - 4 =$

$3 - 2 =$

$5 - 1 =$

$1 - 0 =$

$4 - 3 =$

$2 - 1 =$

$4 + 1 =$

$3 + 0 =$

$4 + 0 =$

$4 - 1 =$

$1 + 2 =$

$5 - 3 =$

$1 + 3 =$

$1 + 4 =$

$1 + 5 =$

$7 + 0 =$

$6 + 1 =$

$5 + 2 =$

$3 + 4 =$

$2 + 5 =$

$1 + 6 =$

$2 + 2 =$

$2 + 3 =$

$2 + 4 =$

$7 - 4 =$

$7 - 5 =$

$7 - 6 =$

$7 - 1 =$

$7 - 3 =$

$8 - 6 =$

$5 - 3 =$

$6 - 4 =$

$8 - 5 =$

$5 - 0 =$

$6 - 0 =$

$7 - 0 =$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

99

周二 复习 10 以内数的认识(2)

$4 + 4 =$

$0 + 8 =$

$8 - 0 =$

$6 + 2 =$

$8 - 2 =$

$8 - 3 =$

$8 - 5 =$

$8 - 8 =$

$7 + 1 =$

$8 - 7 =$

$8 - 6 =$

$8 - 4 =$

$9 - 7 =$

$9 - 8 =$

$9 - 0 =$

$6 + 3 =$

$9 - 6 =$

$9 + 0 =$

$9 - 5 =$

$0 + 9 =$

$2 + 7 =$

$3 + 5 =$

$7 - 4 =$

$9 - 3 =$

$9 - 4 - 2 =$

$5 - 5 + 4 =$

$2 + 7 - 5 =$

$10 - 4 - 4 =$

$3 - 2 + 6 =$

$6 - 3 + 2 =$

$5 + 2 + 2 =$

$8 - 5 + 3 =$

$2 + 5 - 1 =$

$6 + 1 + 3 =$

$4 + 3 - 7 =$

$7 + 2 - 8 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆





周三 复习 10 以内的加减法(1)

$9 - 4 - 2 =$

$5 - 5 + 4 =$

$2 + 7 - 5 =$

$10 - 4 - 4 =$

$3 - 2 + 6 =$

$6 - 3 + 2 =$

$5 + 2 + 2 =$

$8 - 5 + 3 =$

$2 + 5 - 1 =$

$6 + 1 + 3 =$

$4 + 3 - 7 =$

$7 + 2 - 8 =$

$7 + 1 + 2 =$

$8 + 2 - 7 =$

$5 - 2 + 7 =$

$10 - 9 - 1 =$

$6 - 4 + 5 =$

$7 + 3 - 5 =$

$8 - 4 - 4 =$

$8 + 1 - 4 =$

$10 - 2 + 1 =$

$9 - 6 - 2 =$

$4 + 4 - 7 =$

$3 + 2 + 4 =$

$1 + 2 + 3 =$

$7 - 6 + 4 =$

$3 + 6 - 4 =$

$4 - 4 = ()$

$1 + 7 = ()$

$10 - () = 9$

$0 + () = 5$

$4 - 2 + 0 = ()$

$() + 1 = 7$

$0 + 5 = ()$

$0 + 10 - 6 = ()$

$() + 0 = 3$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

101



周四 复习 10 以内的加减法(2)

$4 + 5 =$

$0 + 6 =$

$7 - 0 =$

$4 + 3 =$

$8 - 2 =$

$6 + 3 =$

$7 + 1 =$

$9 - 6 =$

$7 + 0 =$

$7 - 7 =$

$8 - 5 =$

$7 - 4 =$

$8 - 6 =$

$7 + 2 =$

$3 + 6 =$

$0 + 9 =$

$9 - 4 =$

$5 + 3 =$

$5 + 1 + 2 =$

$8 + 2 - 5 =$

$5 - 3 + 7 =$

$10 - 7 - 1 =$

$6 - 5 + 5 =$

$6 + 3 - 4 =$

$8 - 3 - 4 =$

$8 + 2 - 4 =$

$8 - 2 + 1 =$

$9 - 4 - 2 =$

$4 + 5 - 7 =$

$2 + 3 + 4 =$

$2 + 2 + 3 =$

$7 - 3 + 4 =$

$3 + 5 - 4 =$

$2 + 5 - 4 =$

$9 + 1 - 5 =$

$5 - 3 + 6 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



周五 复习 10 以内的加减法(3)

$9 - 6 =$

$9 - 2 =$

$9 - 0 =$

$6 + 3 =$

$9 - 3 =$

$2 + 7 =$

$9 - 5 =$

$0 + 9 =$

$3 + 6 =$

$6 + 2 =$

$8 - 6 =$

$8 - 3 =$

$3 + 5 =$

$0 + 8 =$

$7 - 4 =$

$1 + 6 - 3 =$

$5 - 4 + 8 =$

$6 + 1 + 3 =$

$4 + 3 + 1 =$

$8 - 1 - 4 =$

$7 + 1 - 2 =$

$7 - 1 + 3 =$

$9 - 4 + 3 =$

$10 - 3 + 2 =$

$2 + 3 + 3 =$

$5 + 3 + 2 =$

$6 - 5 - 0 =$

$2 + () = 2$

$7 - () = 4$

$15 - 10 = ()$

$() - 2 = 4$

$5 + 5 = ()$

$6 - () = 3$

$() - 0 = 5$

$() - 0 = 8$

$9 + () = 10$

订正栏

用时 _____ 分 错误 _____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周末 综合练习



jì suàn
一、计算。

$10 - 4 =$

$3 + 5 =$

$10 - 5 =$

$0 + 5 =$

$6 + 4 =$

$9 - 3 =$

$10 - 8 =$

$8 - 3 =$

$8 - 6 =$

$6 + 3 =$

$10 - 7 =$

$4 + 5 =$

$10 - 5 - 4 =$

$3 + 2 + 5 =$

$9 - 2 - 5 =$

$8 - 3 - 5 =$

$2 + 7 + 0 =$

$4 + 4 + 2 =$

$9 - 3 - 3 =$

$1 + 5 + 4 =$

$8 - 2 - 2 =$

$3 + 4 + 3 =$

$10 - 3 - 2 =$

$2 + 3 + 4 =$

$6 + () = 9$

$() + 5 = 10$

$() + 4 = 8$

$() + 3 = 10$

$2 + () = 9$

$5 + () = 8$

$2 + () = 10$

$() + 3 = 7$

$() + 3 = 9$

$() + 5 = 9$

$3 + () = 6$

$8 + () = 9$

$10 - 7 = ()$

$10 + 0 = ()$

$6 - () = 1$

$1 + () = 1$

$1 - 0 = ()$

$9 - 9 = ()$

$() - 2 = 6$

$() - 3 = 1$

$() - 1 = 4$

kāi huǒ chē

二、开火车。

$$8+2 \quad \square -7 \quad \square +5 \quad \square -4 \quad \square +6 \quad \square$$

$$5+5 \quad \square -6 \quad \square +3 \quad \square -5 \quad \square +8 \quad \square$$

$$3+7 \quad \square -5 \quad \square +4 \quad \square -1 \quad \square -3 \quad \square$$

$$4+6 \quad \square -6 \quad \square +4 \quad \square -4 \quad \square +3 \quad \square$$

三、在○里填上“>”“<”或“=”。

$7-5 \bigcirc 5$

$3+6 \bigcirc 9$

$10-5 \bigcirc 5$

$9-7 \bigcirc 3$

$6+2 \bigcirc 7$

$8-3 \bigcirc 3$

$7-3 \bigcirc 9-5$

$3+5 \bigcirc 5+3$

$9-6 \bigcirc 8-3$

$6+3 \bigcirc 5+4$

$9-2 \bigcirc 6$

$10-3 \bigcirc 8-2$

$10-3 \bigcirc 9-2$

$4+3 \bigcirc 7+0$

$7+1 \bigcirc 5+2$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周一 复习 11—20 各数的认识(1)

$10 - 6 =$

$3 + 6 =$

$10 - 8 =$

$3 + 7 =$

$6 + 2 =$

$9 - 7 =$

$10 - 5 =$

$8 - 7 =$

$9 - 2 =$

$6 + 4 =$

$10 - 3 =$

$4 + 4 =$

$10 - 9 =$

$7 + 8 =$

$10 - 4 =$

$7 + 6 =$

$13 - 3 =$

$9 + 6 =$

$10 - 2 =$

$0 + 10 =$

$7 + 3 =$

$10 - 7 =$

$7 + 5 =$

$10 - 2 =$

$(\quad) + 8 = 19$

$(\quad) + 10 = 17$

$(\quad) + 1 = 11$

$(\quad) + 2 = 15$

$(\quad) + 5 = 15$

$(\quad) + 9 = 19$

$10 + (\quad) = 18$

$(\quad) + 4 = 14$

$12 + (\quad) = 13$

$6 + (\quad) = 19$

$10 + (\quad) = 16$

$1 + (\quad) = 14$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周二 复习 11—20 各数的认识(2)

$7 + 9 =$

$6 + 8 =$

$5 + 9 =$

$9 + 7 =$

$8 + 6 =$

$9 + 5 =$

$4 + 8 =$

$6 + 9 =$

$8 + 9 =$

$8 + 4 =$

$9 + 6 =$

$9 + 8 =$

$10 + 7 =$

$12 - 2 =$

$9 + 10 =$

$6 + 10 =$

$12 - 10 =$

$17 - 7 =$

$3 + 10 =$

$18 - 10 =$

$19 - 9 =$

$16 - 10 =$

$5 + 10 =$

$13 - 10 =$

$7 + 10 =$

$13 + 2 =$

$15 - 4 =$

$18 - 6 =$

$14 + 4 =$

$12 + 6 =$

$19 - 5 =$

$3 + 16 =$

$18 - 7 =$

$6 + 11 =$

$17 - 4 =$

$16 + 3 =$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

107

周三 复习 20 以内的进位加法(1)

$8 + 5 =$

$6 + 7 =$

$5 + 6 =$

$7 + 5 =$

$6 + 8 =$

$4 + 9 =$

$7 + 7 =$

$6 + 6 =$

$8 + 8 =$

$4 + 7 =$

$2 + 9 =$

$3 + 8 =$

$9 + 7 =$

$7 + 4 =$

$8 + 6 =$

$5 + 9 =$

$4 + 8 =$

$9 + 5 =$

$0 + 9 =$

$6 + 5 =$

$7 + 6 =$

$7 + 8 =$

$9 + 6 =$

$3 + 9 =$

$8 - 4 - 3 =$

$9 + 5 - 3 =$

$7 - 3 - 2 =$

$9 - 7 - 0 =$

$8 - 6 + 7 =$

$4 + 1 + 5 =$

$2 + 4 + 3 =$

$7 + 8 + 2 =$

$4 + 5 - 3 =$

$1 + 4 + 5 =$

$3 + 4 + 2 =$

$8 - 3 - 5 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周四 复习 20 以内的进位加法(2)

$9 + 6 =$

$17 - 4 =$

$8 + 4 =$

$5 + 7 =$

$14 + 5 =$

$7 + 6 =$

$3 + 8 =$

$12 + 6 =$

$9 + 5 =$

$4 + 7 =$

$18 - 3 =$

$5 + 8 =$

$9 + 8 =$

$9 + 4 =$

$9 + 3 =$

$9 + 7 =$

$9 + 9 =$

$0 + 9 =$

$9 + 1 + 6 =$

$9 + 1 + 8 =$

$9 + 1 + 9 =$

$9 + 1 + 4 =$

$9 + 1 + 7 =$

$9 + 1 + 5 =$

$10 - 3 - 2 =$

$2 + 3 + 4 =$

$9 - 2 - 5 =$

$5 + 3 - 4 =$

$9 - 5 + 4 =$

$6 - 4 + 5 =$

$10 - 8 + 7 =$

$6 + 4 - 5 =$

$3 + 7 - 5 =$

$8 - 6 + 5 =$

$9 - 7 + 6 =$

$10 - 7 + 6 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

109

周五 复习 20 以内的进位加法(3)

$6 + 3 =$

$5 + 4 =$

$9 + 1 =$

$12 + 4 =$

$17 - 5 =$

$11 + 6 =$

$9 + 8 =$

$8 + 8 =$

$9 + 4 =$

$7 + 5 =$

$7 + 6 =$

$8 + 7 =$

$9 + 9 =$

$8 + 3 =$

$7 + 9 =$

$7 + 4 =$

$8 + 5 =$

$8 + 6 =$

$7 - 4 + 5 =$

$6 - 4 + 5 =$

$9 - 5 + 6 =$

$8 - 5 + 7 =$

$6 + 3 - 7 =$

$3 + 5 - 7 =$

$7 - 7 + 8 =$

$6 + 4 - 8 =$

$9 + 1 + 5 =$

$10 + 9 - 10 =$

$20 - 10 + 8 =$

$16 - 6 + 9 =$

$7 + 10 - 7 =$

$8 + 10 - 10 =$

$13 - 10 + 6 =$

$8 + 9 - 8 =$

$12 - 2 + 8 =$

$15 - 5 + 9 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周末 综合练习

一、计算。

$3 + 9 =$

$7 + 9 =$

$7 + 6 =$

$5 + 6 =$

$9 + 5 =$

$5 + 1 =$

$9 + 0 =$

$6 + 9 =$

$4 + 7 =$

$6 + 5 =$

$8 + 4 =$

$9 + 7 =$

$6 + 8 =$

$7 + 5 =$

$9 + 6 =$

$6 + 7 =$

$8 + 6 =$

$9 + 1 =$

$5 + 8 =$

$8 + 8 =$

$2 + 6 =$

$5 + 4 =$

$6 + 4 =$

$0 + 7 =$

$9 + 2 =$

$8 + 9 =$

$3 + 5 =$

$7 + 8 =$

$5 + 7 =$

$2 + 9 =$

$9 + 9 =$

$9 + 3 =$

$3 + 8 =$

$15 - 5 =$

$16 - 4 =$

$15 + 4 =$

$13 - 2 =$

$19 - 2 =$

$18 - 7 =$

$17 - 7 =$

$18 - 8 =$

$16 - 3 =$

$15 - 3 =$

$6 + 13 =$

$4 + 5 =$



tián yí tián

二、填一填。

$$8 + 6 = \boxed{\quad}$$

```

  8 + 6 = 
  /   \
 /     \
4       5
  \   /
  \   /
  2   3
  \   /
  \   /
  1   2
  
```

$$4 + 9 = \boxed{\quad}$$

```

  4 + 9 = 
  /   \
 /     \
3       6
  \   /
  \   /
  2   4
  \   /
  \   /
  1   3
  
```

$$7 + 5 = \boxed{\quad}$$

```

  7 + 5 = 
  /   \
 /     \
6       4
  \   /
  \   /
  3   2
  \   /
  \   /
  1   1
  
```

$$3 + 8 = \boxed{\quad}$$

```

  3 + 8 = 
  /   \
 /     \
2       7
  \   /
  \   /
  1   6
  \   /
  \   /
  0   1
  
```

$$8 + 7 = \boxed{\quad}$$

```

  8 + 7 = 
  /   \
 /     \
7       6
  \   /
  \   /
  6   5
  \   /
  \   /
  5   4
  
```

$$6 + 9 = \boxed{\quad}$$

```

  6 + 9 = 
  /   \
 /     \
5       8
  \   /
  \   /
  4   7
  \   /
  \   /
  3   6
  
```

三、在○里填上“>”“<”或“=”。

$3 + 6 \bigcirc 10$

$6 - 6 \bigcirc 7 - 7$

$8 + 8 \bigcirc 9 + 7$

$7 + 7 \bigcirc 13$

$5 + 6 \bigcirc 6 + 6$

$7 + 5 \bigcirc 4 + 9$

$9 + 6 \bigcirc 16$

$17 - 7 \bigcirc 17 - 10$

$8 + 9 \bigcirc 10 + 7$

$6 + 7 \bigcirc 13$

$8 + 6 \bigcirc 6 + 8$

$7 + 4 \bigcirc 6 + 6$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆



微信扫码
您立即将获得的权益主要有：
△本书配套资料包
(例如：配套教案、真题汇编)
△配套线上网课△学习工具

周一 期末复习(1)

$2 + 6 =$

$9 - 7 =$

$3 + 2 =$

$3 + 4 =$

$5 + 4 =$

$3 + 5 =$

$7 + 1 =$

$9 - 3 =$

$8 - 3 =$

$5 - 4 =$

$8 - 2 =$

$0 + 8 =$

$8 + 2 =$

$6 + 1 =$

$7 + 3 =$

$10 + 7 =$

$11 + 4 =$

$8 + 10 =$

$2 + 10 =$

$10 + 9 =$

$3 + 12 =$

$17 + 1 =$

$14 + 4 =$

$11 + 3 =$

$19 + 0 =$

$13 + 2 =$

$13 + 4 =$

$6 + 12 =$

$15 + 2 =$

$11 + 5 =$

$6 + 13 =$

$10 + 4 =$

$15 + 4 =$

$11 + 5 =$

$1 + 11 =$

$10 + 6 =$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

周二 期末复习(2)

$9 - 3 =$

$5 + 3 =$

$8 + 5 =$

$9 - 1 =$

$3 + 8 =$

$6 + 9 =$

$7 + 5 =$

$9 - 4 =$

$9 + 8 =$

$6 + 2 =$

$9 - 5 =$

$9 - 8 =$

$9 - 9 =$

$4 + 7 =$

$8 - 2 =$

$12 + 4 =$

$18 - 3 =$

$19 - 8 =$

$5 + 12 =$

$15 - 3 =$

$10 + 7 =$

$2 + 13 =$

$18 - 8 =$

$19 - 2 =$

$18 + 1 =$

$16 - 4 =$

$17 - 10 =$

$12 + 7 =$

$6 + 13 =$

$15 - 0 =$

$3 + 10 =$

$14 - 10 =$

$16 - 6 =$

$16 + 2 =$

$15 - 5 =$

$19 - 3 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周三 期末复习(3)

$10 - 1 =$

$2 + 7 =$

$7 - 6 =$

$2 + 5 =$

$9 - 5 =$

$8 - 5 =$

$10 + 3 =$

$8 - 4 =$

$1 + 9 =$

$0 + 9 =$

$9 - 7 =$

$4 + 2 =$

$8 + 9 =$

$7 + 6 =$

$13 - 2 =$

$18 - 2 =$

$7 + 7 =$

$19 - 8 =$

$5 + 7 =$

$10 + 8 =$

$12 - 2 =$

$3 + 3 =$

$9 - 2 =$

$12 + 4 =$

$6 + 5 =$

$7 + 5 =$

$6 + 8 =$

$19 - 9 =$

$16 - 10 =$

$10 + 5 =$

$2 + 7 + 4 =$

$15 - 5 - 6 =$

$17 - 5 + 6 =$

$10 - 1 + 6 =$

$12 + 2 - 4 =$

$8 - 3 + 9 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

115

周四 期末复习(4)

$8 + 8 =$

$5 + 7 =$

$7 + 8 =$

$8 + 3 =$

$9 - 3 =$

$19 - 3 =$

$7 + 7 =$

$8 + 4 =$

$5 + 8 =$

$9 - 6 =$

$9 + 0 =$

$4 + 7 =$

$10 + 8 =$

$14 + 3 =$

$15 + 4 =$

$4 + 8 =$

$14 - 10 =$

$9 + 4 =$

$8 + 9 =$

$5 + 6 =$

$8 + 5 =$

$17 - 7 =$

$6 + 8 =$

$17 - 5 =$

$10 - 7 =$

$1 + 9 =$

$16 - 4 =$

$10 - 5 =$

$2 + 9 =$

$10 - 3 =$

$3 + 8 =$

$14 - 3 =$

$12 + 4 =$

$10 - 9 =$

$3 + 7 =$

$8 + 6 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价☆☆☆☆☆

周五 期末复习(5)

$6 + 8 =$

$7 + 9 =$

$4 + 7 =$

$7 + 3 =$

$8 + 5 =$

$9 + 6 =$

$5 + 7 =$

$6 + 7 =$

$8 + 4 =$

$9 + 2 =$

$3 + 8 =$

$6 + 5 =$

$9 + 0 =$

$17 - 4 =$

$8 + 4 =$

$7 + 5 =$

$14 + 5 =$

$7 + 6 =$

$8 + 3 =$

$12 + 6 =$

$9 + 5 =$

$5 + 13 =$

$13 - 0 =$

$4 + 10 =$

$0 + 13 =$

$12 - 1 =$

$16 - 1 =$

$4 + 14 =$

$17 - 7 =$

$10 + 6 =$

$19 - 2 =$

$16 - 4 =$

$15 - 3 =$

$14 + 4 =$

$14 - 2 =$

$11 + 3 =$

订正栏

用时 ____ 分 错误 ____ 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

117

周末 综合练习

◆一、算一算。

$8 + 2 =$

$7 - 2 =$

$2 + 3 + 8 =$

$9 - 3 =$

$6 + 6 =$

$7 + 3 + 6 =$

$10 + 4 =$

$9 - 0 =$

$15 - 5 + 8 =$

$15 - 3 =$

$17 - 7 =$

$4 + 8 - 10 =$

$3 + 4 =$

$7 + 4 =$

$11 + 2 + 4 =$

$13 - 3 =$

$10 - 3 =$

$17 - 2 - 5 =$

$5 + 7 =$

$15 - 0 =$

$3 + 6 + 9 =$

$8 + 10 =$

$7 + 7 =$

$15 - 5 + 3 =$

$9 + 0 =$

$19 - 5 =$

$19 - 6 + 3 =$

$6 + 8 =$

$9 + 5 =$

$8 + 4 + 2 =$

◆二、在□里填上合适的数。

$14 - \boxed{\quad} = 6$

$\boxed{\quad} - 5 = 11$

$13 - \boxed{\quad} = 10$

$\boxed{\quad} - 4 = 6$

$7 + \boxed{\quad} = 13$

$\boxed{\quad} + 8 = 15$

$\boxed{\quad} + 8 = 14$

$15 - \boxed{\quad} = 10$

$9 - \boxed{\quad} = 6$

$$16 - \boxed{\quad} = 11$$

$$\boxed{\quad} + 8 = 13$$

$$7 + \boxed{\quad} = 16$$

$$\boxed{\quad} + 9 = 15$$

$$10 - \boxed{\quad} = 7$$

$$\boxed{\quad} - 8 = 10$$

$$\boxed{\quad} + 5 = 13$$

$$\boxed{\quad} + 10 = 18$$

$$\boxed{\quad} - 1 = 10$$

$$10 + \boxed{\quad} = 16$$

$$\boxed{\quad} - 3 = 7$$

$$\boxed{\quad} - 8 = 2$$

$$8 + \boxed{\quad} = 14$$

$$\boxed{\quad} + 7 = 12$$

$$9 + \boxed{\quad} = 18$$

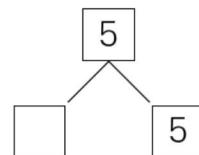
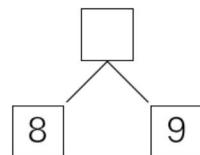
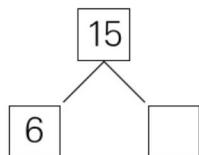
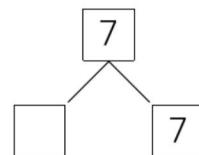
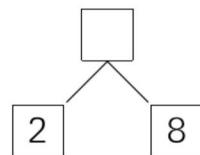
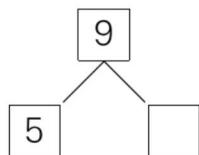
$$5 + \boxed{\quad} = 13$$

$$\boxed{\quad} + 9 = 16$$

$$8 + \boxed{\quad} = 12$$

xiǎng yi xiǎng tián yi tián

三、想一想，填一填。



订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

期末检测(一)

jì suàn

一、计算。(36分)

$5 + 9 =$

$9 + 9 =$

$10 + 8 =$

$17 - 7 =$

$7 + 7 =$

$4 + 8 =$

$4 + 3 =$

$3 + 6 =$

$4 + 5 =$

$5 + 5 =$

$6 - 2 =$

$7 - 4 =$

$6 - 6 =$

$9 - 4 =$

$3 + 5 =$

$8 + 2 =$

$13 - 10 =$

$10 + 6 =$

$8 + 9 - 10 =$

$15 - 10 + 8 =$

$16 - 6 + 7 =$

$4 + 8 - 10 =$

$4 + 5 + 5 =$

$17 - 7 - 7 =$

$14 - 10 - 0 =$

$17 - 7 + 0 =$

$6 + 8 + 2 =$

$5 + 1 + 6 =$

$3 + 6 - 5 =$

$9 - 2 + 1 =$

$4 + 8 + 4 =$

$11 + 5 - 6 =$

$5 + 10 - 3 =$

$8 + 9 + 2 =$

$17 - 7 - 4 =$

$9 - 7 + 9 =$

zài kuò hào lǐ tián shàng shì dāng de shù

二、在括号里填上适当的数。(36分)

$9 + (\quad) = 12$

$(\quad) + 6 = 14$

$(\quad) + 2 = 11$

$6 + (\quad) = 11$

$(\quad) + 7 = 12$

$8 + (\quad) = 15$

$4 + (\quad) = 9$

$(\quad) + 6 = 10$

$(\quad) + 2 = 8$



$$\begin{array}{lll} 3 + (\quad) = 10 & (\quad) + 3 = 11 & 7 + (\quad) = 9 \\ 3 + (\quad) = 8 & (\quad) + 5 = 9 & 4 + (\quad) = 10 \\ (\quad) + 4 = 13 & 8 + (\quad) = 14 & 5 + (\quad) = 12 \end{array}$$

三、在○里填上“>”“<”或“=”。(12分)

$$\begin{array}{lll} 0 + 7 \bigcirc 7 & 10 - 7 \bigcirc 7 & 8 + 2 \bigcirc 10 \\ 2 + 7 \bigcirc 8 & 0 + 6 \bigcirc 0 & 10 - 4 \bigcirc 4 \end{array}$$

四、填一填。(16分)

2	6		9	
3	8		8	
4	1		7	
5	10	=	6	
6	2		5	
7	3		4	
8	5		3	
9	4		2	

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

期末检测(二)

一、计算。(54分)
jì suàn

$0 + 7 =$

$8 + 5 =$

$9 + 2 =$

$6 + 8 =$

$7 + 3 =$

$4 + 8 =$

$7 + 8 =$

$6 + 7 =$

$8 - 0 =$

$10 - 7 =$

$9 + 9 =$

$9 - 2 =$

$10 - 2 =$

$7 + 7 =$

$5 + 10 =$

$16 - 6 =$

$10 - 5 =$

$5 + 6 =$

$17 - 7 =$

$8 + 6 =$

$12 + 4 =$

$6 + 9 =$

$18 - 0 =$

$5 + 9 =$

$7 - 6 + 5 =$

$3 + 5 - 6 =$

$2 + 7 - 4 =$

$3 + 6 - 4 =$

$6 - 4 + 6 =$

$6 - 4 + 7 =$

$8 - 6 + 8 =$

$2 + 8 - 6 =$

$7 - 3 + 4 =$

$9 - 4 + 3 =$

$5 + 3 - 4 =$

$7 + 3 - 4 =$

$5 + 3 - 4 =$

$9 - 5 + 4 =$

$6 - 4 + 5 =$

$10 - 8 + 7 =$

$6 - 5 + 4 =$

$3 + 7 - 5 =$

$8 - 6 + 5 =$

$9 - 7 + 6 =$

$10 - 7 + 6 =$

$3 + 6 + 7 =$

$14 - 10 + 7 =$

$16 - 6 + 5 =$

$4 + 4 + 4 =$

$13 - 3 + 8 =$

$18 - 10 + 5 =$

$19 - 10 + 9 =$

$8 + 7 - 10 =$

$8 + 8 - 6 =$

zài kuò hào lǐ tián shàng shì dàng de shù

二、在括号里填上适当的数。(30分)

$2 + (\quad) = 10$

$(\quad) + 3 = 7$

$(\quad) + 3 = 10$

$(\quad) + 5 = 9$

$3 + (\quad) = 6$

$8 + (\quad) = 9$

$3 + (\quad) = 8$

$(\quad) + 5 = 9$

$(\quad) + 2 = 10$

$(\quad) + 4 = 13$

$8 + (\quad) = 14$

$6 + (\quad) = 12$

$5 + (\quad) = 11$

$(\quad) + 4 = 12$

$(\quad) + 6 = 15$

zài lǐ tián shàng huò

三、在○里填上“>”“<”或“=”。(16分)

$3 + 6 \bigcirc 10$

$6 - 6 \bigcirc 7 - 7$

$8 + 8 \bigcirc 9 + 7$

$7 + 7 \bigcirc 13$

$5 + 6 \bigcirc 6 + 6$

$7 + 5 \bigcirc 4 + 9$

订正栏

用时 分 错误 道 自我评价 ☆☆☆☆☆

123

参考答案

第一周

周二 数数

- 一、
- 二、○○○○○○○○
○○○○○○○○○○
○○○○○
○○○○○○
○○○○○○○○○○○

周三 1~5 的认识

- 一、1 2 4
二、1 2 3 4 5



- 四、5 4 3 2 1

周四 5 以内数的组成

- 一、4 5 1
二、涂 5 个 涂 3 个
 涂 4 个 涂 2 个
 (涂色略)

- 三、1 3 5
 1 1 4

周五 0 的认识

- 一、
- 二、4 3 1 0
三、涂 4 个 涂 2 个
 不涂 涂 5 个
 (涂色略)

周六 6~10 的认识

- 一、5 6 7 8
二、6 9 8 5 10

周末 综合练习

- 一、3 4 5
 6 10 7 8

二、6 8 9 10

三、○○

○○○

○○○

○○○○○○

○○○○○○

四、1 4 6 0 2 8

五、1 2 2 3

3 3 5 4

7 10 9 8

3 5 5 4

第二周

周二 10 以内数的大小比较(1)

一、3<6 5>3 7<9

二、3<4 6>5

三、< > < = <

> = > > <

周三 10 以内数的大小比较(2)

一、< > = > <

< < > < >

> = < < <

二、5<7 或 7>5 够

周四 找找周围的数

一、多 > 少 <

二、前 2 小题答案不唯一

1. ○○○○

2. ○○○○○

3. △△△△△△△△

△△△

三、6 3 5 8

周四 整理与复习(1)

一、8 7 6 9 10

二、少 < 多 >

周五 整理与复习(2)

一、> < > > <

< < < < =

二、4,6,7,5,8

三、10>8 5<6

周末 综合练习

一、4>3 4<5 3=3

二、4 9 8 3 3

(最后两空不唯一)

三、< < = <

> = > >

< < < >

> < > >

< < > <

四、1. ☆ □ 5>4

2. ○ △ 6=6

五、1. 3 2 1

2. 7 9

3. 6 9 10

4. 8 6 5 4

六、9 8 6 5 3 0

第三周

周一 分类(1)

一、8 2 1

6 0 3

二、圈 4 个, 圈 5 个, 圈 2

个。(圈一圈略)

周二 分类(2)

一、多 > 少 <

二、6=6 9>8

三、> > > >

> < = <

周三 比较(1)



周四 比较(2)

1 4 3

5 8 2

8 9 8

5 7 4

10 6 2

周五 5 以内的加法(1)

一、4 5

4 4

5 5



周末 综合练习

一、0 2 4 6

9 7 5

二、5 6 0

6 8 5

三、< < = <

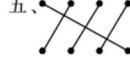
> = > >

> < > >

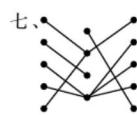
四、1. 3 2 1

2. 7 9

3. 6 9 10



六、3 4 5
3 5 4



——第四周——

周二 5以内的加法(2)

一、3 3 4
5 5 4
5 5 4
2 5 3

二、2 3
5 5

周二 5以内的减法(1)

一、5 1 3
4 1 3
4 1 0
4 4 1
5 1 3

二、1 4 2 3 3 2
1 2 4 1 3 1

周三 5以内的减法(2)

一、4 5 3
(画一画略)

二、5 2 2



周四 5以内的减法(3)

一、1 0 2
4 3 0

二、1 3 4

三、0 2 2 1 3
2 3 1 1(竖排)

周五 有关0的减法

一、0 0 2

3 2 5
0 0 3
二、< < >
< < =
= < >

三、+ - -
- - -
- +或- +

周末 综合练习

一、5 2 4
3 1 0
3 1 5

二、> < =
= < >
> = >

三、5 3 3
0 1 5

周末 综合练习

一、5 6 7
4 6 0
6 4 6

二、0 6 4 2 3
0 7 5 7

三、5 3 3
0 1 5

周末 综合练习

一、3 4 7
2 2 6
7 3 0

二、1 5 4
4 3 5
0 1 1

三、0 5 4

——第五周——

周一 和是6、7的加法(1)

一、7 7 6
7 6 5
6 6 7

二、5 3 3
7 4 6

周二 和是6、7的加法(2)

一、6 7 1
7 3 7

7 7 5
6 7 3
二、> = <
< = =
< = <

三、+ - -
- - -
- +或- +

周三 有关0的加法

一、5 6 7
4 6 0
6 4 6

二、0 6 4 2 3
0 7 5 7

三、5 3 3
0 1 5

周四 被减数是6、7的减法(1)

一、3 4 7
2 2 6
7 3 0

二、1 5 4
4 3 5
0 1 1

三、0 5 4

周五 被减数是6、7的减法(2)

一、1 2 7
2 0 7
7 3 7

二、5 6 4
6 6 6

三、7 3 7
7 4 1

周六 8的加减法

一、6 8 8
4 8 0
7 8 8

二、5 5 2
8 5 2
2 3 8

三、5 6 4
8 8 5
8 1 8

6 3 5
5 5 4
2 4 5
2 6 5
4 2 0

一、7 1 2
7 7 7

周末 综合练习

3 6 7
4 6 6
1 0 2
0 3 2
2 1 7
4 1 3

2 1 1
4 2 0

二、= > <
< = <
= > <
> < >
< < <
> = <

三、5 4 4
2 2 6
7 3 0
0 1 1

0 5 4

——第六周——

周一 8的加减法

一、6 8 8
4 8 0
7 8 8

二、5 5 2
8 5 2
2 3 8

三、5 6 4
8 8 5
8 1 8

二、7	6	5	4	4	0	0	8	9	0	9	9	5		
周二 9 的加减法				4	2	4	10	9	6	1	2	9		
一、9	9	3		二、7	4	7	3	5	6	8	8	6		
5	9	9		6	9	7	3	7	1	10	10	8		
2	9	1		周末 综合练习				5	10	2	5	0	7	
9	9	9		一、3	10	7	0	3	9	9	3	7		
3	4	6		10	1	9	周二 10 以内的 加减混合运算(2)				周五 10 以内的 加减法整理(3)			
1	5	5		9	7	4	一、4	5	8	一、2	1	2		
9	2	6		10	9	10	10	5	7	1	6	0		
二、4	6	9		10	9	8	6	0	9	3	2	1		
4	1	9		9	9	8	2	2	8	0	4	4		
周三 10 的加减法				10	8	8	4	4	1	0	5	9		
一、10	10	6		9	8	8	5	10	8	10	7	3		
3	10	10		10	9	3	周三 10 以内的 加减法整理(1)				周末 综合练习			
10	2	10		4	1	2	二、		0	10	9			
10	9	3		5	10	9	周四 10 以内的 连加				9	5	7	
3	10	2		9	10	9	一、9	6	10	二、7	1	4		
1	1	1		2	0	3	二、9	2	3	9	6	5		
二、9	7	5	3	1	0		10	8	4	7	7	6		
10	8	6	4	2			3	9	7	4	2	3		
周四 10 以内的连加				10	4	4	10	3	9	3	5	0		
8	9	9		3	5	5	5	6	7	2	5	0		
8	10	8		2	2	5	7	8	2	4	1	5		
9	8	10		4	7	5	7	8	2	2	2	2		
8	10	9		三、=	<	<	6	4	6	10	8	3		
10	9	10		<	>	>	6	9	2	9	8	7		
9	10	10		=	<	>	0	2	8	9	6	2		
9	8	9		>	=	<	8	10	10	10	9	0		
6	10	9		<	=	=	6	9	0	9	5	9		
9	7	9		第七周				9	2	6	7	0	6	
7	10	10		周二 10 以内的 加减混合运算(1)				周四 10 以内的 连减				8	2	3
3	10	2		周三 10 以内的 加减法整理(1)				周五 10 以内的 加减法整理(2)				9	2	8
1	1	1		周五 10 以内的 连减				周四 10 以内的 加减法整理(2)				10	5	4
一、0	3	5		6	6	6	6	7	4	10	9	3		
2	3	7		1	8	4	3	4	4	8	1	5		
2	0	1		8	6	9	10	8	9	4	9	8		
2	4	1		3	6	4	9	2	8	二、< < =				
				10	9	2	4	3	1	>	>	>		

$<$	$=$	$<$	7	8	9	1	1	9	周四 期中复习(4)
$>$	$=$	$>$	4	8	9	二、<	$=$	$>$	一、5 3 2
$<$	$<$	$>$	5	8	7	$>$	$<$	$=$	8 3 3
$<$	$=$	$<$	6	6	8	$>$	$<$	$<$	6 10 9
$=$	$=$	$>$	7	7	4	$<$	$<$	$<$	3 5 8
第八周			周四 认识位置(2)			三、			4 7 5
周一 10 以内的加减法练习(1)			1	9	3				6 1 2
6	1	9	7	10	0	四、7 3 2 8 5			8 7 4
0	1	3	2	5	0	10 8 9 6 7			二、< < >
8	8	9	0	7	3	五、9 3 5 10 1 5			> < <
6	2	4	8	2	2				< = >
0	8	6	2	3	6	第九周			
0	5	1	4	6	2	周一 期中复习(1)			
8	6	6	7	0	3	一、			
4	8	2	0	5	7				
1	0	4	1	2	3	二、1. 多 6>4			
2	8	8	7	5	8	少 4<6			
5	5	2	5	10	7	2. 同样多 8=8			
9	9	5	7	0	6				
周二 10 以内的加减法练习(2)			周五 智慧广场			周二 期中复习(2)			
一、10	7	2	4	6	8	一、8 8 9			
5	2	10	9	1	7	6 3 3			
1	7	3	9	7	7	5 4 9			
7	0	2	2	3	8	二、3 4 9			
5	9	9	8	10	4	4 5 9			
5	0	8	4	9	8				
3	9	2	8	4	2	周三 期中复习(3)			
二、<	>	<	9	9	3	一、5 8 6			
=	<	<	6	1	9	6 6 2			
周三 认识位置(1)			周末 综合练习			6 2 3			
4	7	10	一、3	4	4	3 3 6			
4	8	10	2	7	5	5 9 8			
9	1	2	9	6	6	3 9 4			
10	3	8	10	0	1	5 5 4			
5	6	8	二、=	<	>				
3	10	9	0	7	5	< > =			
6	2	1	0	5	9	> < <			

<	>	>		16	18	18		16	14	18		13	10	10
四、10	3	8	4	10	19	19	14	13	11	19		8	10	1
10	4	7	2	10	16	13	17	10	16	12				
五、2	10	9	3		16	13	17	二、10	12	14	11	13	11	17
7	8	2	2		8	11	7	10	11	12	13	14	19	11
—— 第十周 ——			周四 十几加几的			三、12			12			12		
周一 11—20 各数			加法(不进位)(2)			4			19			19		
的认识(1)			19			11			14			14		
一、1.	11	12	15	16	19	17	19	四、10	3	18		13	13	19
17	19	20			16	18	17	10	4	3		16	18	13
2.	16	12	10	6	19	16	18	10	2	16		19	12	18
4	0				17	17	18	10	1	17		12	18	18
二、>	<	>			16	16	18	10	5	13		14	19	11
<	>	<			18	13	16	16	17	17		18	10	15
三、					12	18	19					17	3	15
周二 11—20 各数			19			19			15			15		
的认识(2)			19			16			13			13		
7	6	6			19	16	17	8	10	10		10	10	10
0	10	1			19	10	18	17	12	12		10	9	8
4	9	10			16	12	13	11	10	15		2	6	10
8	3	6			周四 十几减几的			16	11	13		18	17	15
9	8	9			减法(不退位)			12	11	13		15	18	18
8	10	1			10	10	11	10	14	14		11	19	16
8	8	2			10	18	14	12	14	11		15	15	11
9	4	1			11	10	11	11	14	10		1	9	2
9	1	0			11	19	12	10	13	10		2	9	10
3	8	4			11	2	13	10	4	12		19	12	16
10	6	2			12	5	10	6	10	9		周五 分积木		
10	3	1			11	7	12	15	18	15		12	10	12
周三 十几加几的			4			2			2			18		
加法(不进位)(1)			2			10			12			18		
15	19	11			4	5	8	16	15	16		14	16	11
18	17	15			周末 综合练习			13	18	13		14	16	17
18	18	17			一、14	19	10	11	16	18		16	12	16
14	16	16			13	13	19	17	10	19		17	10	19
17	16	17			16	18	13	16	2	10		13	10	7
19	9	16			18	12	18	13	8	10		16	10	10
19	18	17			11	17	12	11	7	10		3	5	4

7	7	3	14	12	15	15	17	14	12	11	11
周末	综合练习		16	11	18	16	14	18	12	14	14
一、10	2	10	13	16	10	12	13	16	12	13	11
12	18	10	11	15	17	12	13	10	13	15	11
19	11	18	10	12	9	14	13	9	8	14	13
11	18	16	19	19	14	9	4	10	12	16	12
17	18	13	13	4	10	15	19	16	16	17	14
11	14	17	18	10	16	4	8	9	16	8	10
10	14	10	10	6	15	5	8	11	12	8	10
10	11	17	13	12	11	6	6	8	13	5	11
13	16	4	16	18	19	7	7	4	10	8	17
12	18	14	周三	8 加几(1)		周末	综合练习		周二	6、7 加几(2)	
19	18	15	14	13	11	一、15	16	14	11	8	9
9	5	9	15	15	12	13	9	12	10	11	10
17	7	2	17	16	10	11	17	18	15	13	15
11	10	9	11	12	16	12	14	11	7	7	13
0	11	7	17	13	8	13	15	17	16	9	12
二、2	5	5	14	15	13	14	10	13	11	8	12
4	2	5	18	14	16	16	15	12	14	12	16
三、13	12	11	10	8	5	8	16	14	15	11	11
13	14	15	16	8	6	8	13	10	11	3	10
四、10	3	4	9	8	9	二、9	10	11	12	16	11
4	5	8	8	3	4	13	14	15	16	0	7
			9	8	1	18	17	16	15	0	5
						14	13	12	11	0	9
第十二周			周四	8 加几(2)		三、11	2	1	10	1	1
周一	9 加几(1)		15	11	12	13	2	3	10	周三	6、7 加几(3)
10	11	14	16	14	13	15	2	5	10	11	12
16	18	10	15	11	13	14	2	4	10	12	13
11	14	16	14	10	12	12	2	2	10	18	16
9	12	15	15	12	14	15	1	5	10	10	13
13	17	9	15	12	14	15	1	4	10	17	15
12	15	13	18	11	17	14	1	6	10	15	11
17	12	9	12	18	12	16	1	8	10	15	13
1	9	5	13	18	19	18	1	8	10	15	14
9	9	1	16	10	14	四、11	17	16	14	15	14
2	3	9	9	14	16	15	12	13	15	13	14
9	9	6	8	15	17				15	15	18
4	9	10	12	11	17	第十三周			15	15	15
周二	9 加几(2)		10	17	11	周一	6、7 加几(1)		16	18	18
11	13	17				11	13	13	19	16	13

周四	回顾整理(1)			9	9	2	周三	总复习(3)			周末	综合练习		
10	14	9		9	8	9	13	12	13		一、6	0	4	
7	13	11		8	8	7	16	15	15		6	0	0	
8	15	9	二、+	+	-		10	13	12		8	4	1	
11	6	16	-	+	+		13	13	8		2	5	9	
11	14	16	+	+	-		14	12	17		0	3	2	
15	0	10	+	+	-		18	15	12		1	1	2	
2	11	12	三、9	11	13	15	17	14	19	10		2	1	8
12	13	12	16	14	12	10	8	13	13	19		1	6	6
14	15	16	15	3	5	10		16	18	13		8	5	6
17	3	10	15	5	1	10		19	12	18		8	0	3
8	5	6	第十四周				9	8	9		5	9	10	
8	8	9	周一 总复习(1)				8	10	1		10	0	3	
周五	回顾整理(2)			15	12	14	周四	总复习(4)			周末	综合练习		
12	12	17		15	11	17	16	15	8		6	0	1	
15	14	14		12	14	12	19	13	12		2	9	4	
13	13	13		13	18	19	8	15	17		1	1	8	
11	8	11		13	14	10	16	13	14		二、+	+	-	
10	14	15		13	12	9	11	13	14		-	+	+	
15	16	16		11	11	5	14	13	11		+	+	-	
14	15	16		13	12	9	13	11	12		三、10	12	14	11 13
12	14	18		15	12	12	14	15	12		10	11	12	13 14
7	13	17		17	11	10	18	8	15		四、19	11	19	16
2	14	3		14	10	10	14	9	18		19	14	19	12
5	12	5		10	12	11	15	17	17		第十五周			
16	11	15		13	12	13	19	13	19		周一 复习 10 以内数的认识(1)			
周末	综合练习			11	12	13	周二	总复习(2)			周五	总复习(5)		
一、13	16	18		13	14	11	周三	2	1	2	0	1	4	
11	12	14		13	13	9	周四	1	6	0	1	1	1	
17	12	15		12	11	14	周五	3	2	1	5	3	4	
11	14	15		10	15	13	周六	0	4	4	3	3	2	
15	11	11		12	9	7	周日	0	5	9	4	5	6	
16	14	14		15	15	15		10	7	15	7	7	7	
13	12	12		15	15	18		0	10	9	7	7	7	
16	8	9		15	15	15		9	5	7	4	5	6	
7	11	13		16	18	18		2	3	3	3	2	1	
12	13	10		19	16	13		9	7	8	6	4	2	
9	15	10		12	12	13		7	6	8	2	2	3	
6	9	7		4	9	10		8	11	8	5	6	7	

周二 复习 10 以内数的认识(2)

8	8	8
8	6	5
3	0	8
1	2	4
2	1	9
9	3	9
4	9	9
8	3	6
3	4	4
2	7	5
9	6	6
10	0	1

周三 复习 10 以内数的加减法(1)

3	4	4
2	7	5
9	6	6
10	0	1
10	3	10
0	7	5
0	5	9
1	1	9
6	5	5
0	8	1
5	2	6
5	4	3

周四 复习 10 以内数的加减法(2)

9	6	7
7	6	9
8	3	7
0	3	3
2	9	9
9	5	8
8	5	9
2	6	5
1	6	7

3	2	9
7	8	4
3	5	8

周五 复习 10 以内数的加减法(3)

3	7	9
9	6	9
4	9	9
8	2	5
8	8	3
4	9	10
8	10	1
0	3	5
6	10	3
5	8	1

周末 综合练习

一、6	8	5
5	10	6
2	5	2
9	3	9
1	10	2
3	10	4
10	5	9
3	5	4
7	7	3

周一 复习 11—20 各数的认识(1)

二、10	3	8	4	10
10	4	7	2	10
10	5	9	8	5
10	4	8	4	7
三、<	=	=	=	>
<	>	>	>	>

=	=	<
=	>	>
=	=	>

周二 复习 11—20 各数的认识(2)

4	9	2
10	8	2
5	1	7
10	7	8
1	15	6
13	10	15
8	10	10
3	12	8

周三 复习 11—20 各数的认识(3)

11	7	10
13	10	10
8	10	1
13	6	13
16	14	14
16	14	14
12	15	17
17	10	19
16	2	10
13	8	10
6	15	3

周四 复习 20 以内数的进位加法(1)

17	15	11
12	18	18
14	19	11
17	13	19
13	13	11
12	14	13
11	11	11
16	11	14

14	12	14
9	11	13
15	15	12
1	11	2
2	9	10

周五 复习 20 以内数的进位加法(2)

9	17	6
10	9	0
15	13	12
12	19	13
11	18	14
11	15	13
17	13	12
16	18	9
16	18	19
14	17	15

周六 综合练习

5	9	2
4	8	7
9	5	5
7	8	9

11	12	16	12	5	17	9	13	12	16	10	12
14	12	15	8	4	1	12	19	13	19	6	11
13	14	10	0	11	6	11	18	14	二、3	8	9
13	16	8	16	15	11	18	13	14	5	5	7
9	10	7	17	12	17	13	11	15	5	4	6
11	17	8	15	10	17	18	10	16	7	8	2
15	12	11	19	12	7	17	12	12	5	4	6
18	12	11	19	19	15	18	12	14	9	6	7
10	12	19	13	4	10	周末 综合练习		三、=	<	=	
11	17	11	18	10	16	一、10	5	13	>	>	>
10	10	13	周三 期末复习(3)			6	12	16	四、3	2	10
12	19	9	9	9	1	14	9	18	11	11	10
二、14	2	4	10	7	4	3	12	10	2	17	16
13	3	1	10	13	4	10	7	11	17	13	12
12	3	2	10	9	2	6	10	7	10	期末检测(二)	
11	1	2	10	17	13	11	12	15	一、7	13	11
15	2	5	10	16	14	11	18	14	14	10	12
15	5	1	10	12	18	10	9	14	15	13	8
三、<	=	=	6	7	16	14	14	14	3	18	7
>	<	<	11	12	14	二、8	16	3	8	14	15
<	>	=	10	6	15	10	6	7	10	5	11
=	=	<	13	4	18	6	5	3	10	14	16
15	10	14	15	10	14	5	5	9	15	18	14
第十七周			周四 期末复习(4)			6	3	18	6	2	5
周一 期末复习(1)			16	12	15	8	8	11	5	8	9
8	2	5	11	6	16	6	10	10	10	4	8
7	9	8	14	12	13	6	5	9	8	4	6
8	6	5	3	9	11	8	7	4	4	8	7
1	6	8	18	17	19	三、4	10	0	9	5	5
10	7	10	12	4	13	9	17	0	7	8	9
17	15	18	17	11	13	期末检测(一)			16	11	15
12	19	15	10	14	12	一、14	18	18	12	18	13
18	18	14	3	10	12	10	14	12	18	5	10
19	15	17	5	11	7	7	9	9	二、8	4	7
18	17	16	11	11	16	10	4	3	4	3	1
19	14	19	1	10	14	0	5	8	5	4	8
16	12	16	周五 期末复习(5)			10	3	16	9	6	6
周二 期末复习(2)			14	16	11	7	13	17	6	8	9
6	8	13	10	13	15	2	14	3	三、<	=	=
8	11	15	12	13	12	4	10	16	>	<	<



+ - × ÷ 天天练，口算速度看得见

重点题型综合练，提升能力很直观

品牌策划：中辰传媒

责任编辑：马驰 鲁微 王颖

封面设计：中辰传媒设计室

上架建议：教育·教辅

ISBN 978-7-5441-9426-6

9 787544 194266

定价：19.90元